

## Tỷ-kheo giới

*Hòa-thượng Thích Trí-Quang dịch giải*

### Mục Lục

I. Dẫn Nhập Tỷ-kheo Giới Của Tứ Phần Luật

II. Phần Đầu Tỷ-kheo Giới

III. Tỷ-kheo Giới

1. Lời Mở Đầu
2. Bốn Giới Khí
3. Mười Ba Giới Tăng Tàn
4. Hai Giới Bất Định
5. Ba Mười Giới Xả Đọa
6. Chín Mười Giới Đọa
7. Bốn Giới Hối Quá
8. Một Trăm Giới Học
9. Bảy Pháp Diệt Tránh
10. Lời Kết Thúc

IV. Phần Cuối Tỷ-kheo Giới

V. Ghi Chú

### Ghi sau khi duyệt Tỷ-kheo Giới

Tập tục giữa Ấn, Tàu với ta khác nhau nhiều lắm. Xưa và nay càng khác hơn. Phật giáo cũng vậy. Nên muốn hiểu luật thì phải biết những cái khác đó, kể cả cái khác giữa Bắc tông với Nam tông.

Hãy nói vài ví dụ nhỏ nhất. Tập tục khác nhau như Ấn ăn bốc, không biết như vậy thì không hiểu được giới 40 (trong 100 giới học) với ghi chú ăn không được một nửa vào miệng, một nửa còn nơi tay. Xưa nay khác nhau như rửa tay sau khi đại tiện thì xưa dùng đất, tro, bồ hòn, bồ kết, nay thì xà phòng. Ấy là chưa nói bao nhiêu cái khác, lớn có nhỏ có, giữa xưa và nay, giữa 2 tông Bắc Nam. Có những cái bây giờ khác hẳn rồi, thí dụ nói về ngọ cụ và tọa cụ.

Chỉ nói bấy nhiêu thôi cũng đủ thấy ngày nay Tỷ-kheo giới có một ít giới điều không còn nói đến nữa. Thế nhưng ngày nay lại có bao nhiêu cái mà Tỷ-kheo giới đã không qui định trước được. Thí dụ sự học hành, sự giao tiếp... Chỉ sự giao tiếp mà thôi, mà bao nhiêu điều thích ứng hoặc phản ứng đã phải đặt ra. Chưa nói ăn mặc ở, ba sự ấy có bao nhiêu là xáo trộn mà tiện lợi có, khó xử có.

Mấy lời ghi trên đây đi đến kết luận gì? Kết luận ở chỗ phải nhớ luôn đến cái chủ ý của Tỷ-kheo giới. Chủ ý đó là muốn **Tỷ-kheo phải là bậc Chúng trung tôn, thân miệng ý, cả ba nghiệp ấy dùng có những tội lỗi và cử động bất xứng, nghĩa là cụ túc giới pháp và oai nghi**. Rồi từ chủ ý đó, phải có những sự hạn chế (giá) và linh động (khai) mà sao cho như "liên hoa bất trước thủy", "sự lai tâm hiện, sự khứ tâm không".

Làm như vậy với ý thức và hậu quả là Tỷ-kheo giữ được bản sắc của mình, của Phật giáo mình -- không để đời không có mình cũng được, hay mình cũng như đời mà thôi. Nói cách khác, Tỷ-kheo không tự cao nhưng không tục hóa. Giới luật còn thì Phật pháp còn là như thế này đây.

**Mồng 10 tháng 5, PL. 2537**  
**Trí Quang**

---

## **I. Dẫn Nhập Tỷ-kheo Giới của Tứ Phần Luật**

### **(I.1)**

Phật lịch 2518, tôi đã đọc tất cả 5 bộ luật của Phật giáo văn hệ Trung hoa, gọi tắt và ghi theo số hiệu của Đại tạng kinh bản Đại chính thì 1421 là Ngũ phần, 1425 là Tăng kỳ, 1428 là Tứ phần, 1435 là Thập tụng, 1442 là Hữu bộ. Ngoài ra, 1462 là Thiện kiến tuy không trọn vẹn mà rất đáng đọc.

Thế giới Phật giáo thông sử (tập 1 trang 54) nói Tăng kỳ là của Đại chúng bộ, Ngũ phần là của Hóa địa bộ, Tứ phần là của Pháp tạng bộ, Thập tụng là của Hữu bộ Ma-du-la, Hữu bộ là của Hữu bộ Ca-thập-di-la.

Muốn biết giữa 5 bộ luật như thế nào thì sơ khởi hãy đem giới bản của 5 bộ ra mà so sánh chút ít. Tỷ-kheo giới có 8 loại: 1 là khí, 2 là tăng tàn, 3 là bất định, 4 là xá đạo, 5 là đạo, 6 là hồi quá, 7 là học pháp, 8 là diệt tránh. Trong 8 loại này, chỉ có 2 loại 5 và 7 là 5 bộ khác nhau: loại 5 thì Tứ phần, Thập tụng và Hữu bộ đều có 90, Ngũ phần có 91, Tăng kỳ có 92; còn loại 7 thì Ngũ phần và Tứ phần có 100, Tăng-kỳ (Ma-ha-tăng-kỳ, Mahasaghika) có 66, Thập tụng có 113, Hữu bộ có 42. Nhìn đại khái, giới điều quan trọng thì 5 bộ như nhau, giới điều linh tinh mới khác nhau. Nhìn thêm chút nữa, giới bản của Tăng-kỳ, Ngũ phần và Thập tụng thì lời kệ mở đầu và kết thúc đều như nhau, chỉ Tứ phần với Hữu bộ mới khác nhau. Xét văn tự thì Tứ phần có chậm nhất, xét bộ pháp thì Tăng-kỳ có sớm nhất. Theo ngài Pháp hiên ghi thì "*luật Tăng-kỳ này khi Phật tại thế được đại chúng đầu tiên tuân hành, được lưu truyền tại tinh xá Kỳ-hoàn*".

Tôi suy đoán rằng Thượng tọa bộ có 1 bộ luật là bộ được tụng ra trong Đại hội 1 của Kiết tập 1. Rồi bộ này được khẩu truyền mà học thuộc lòng cho đến chép ra văn bản là các bộ luật của các bộ phái khác. Riêng bộ Tăng-kỳ của Đại chúng bộ có thể được tụng ra trong Đại hội 2 của Kiết tập 1, nhưng cũng có thể chỉ là thuộc lòng bộ luật của Đại hội 1. Thế giới Phật giáo thông sử (tập 1 trang 55) nói bộ luật này là của Thượng tọa bộ căn bản, nay không tìm được. Bộ luật của Paly là của hệ Phân biệt thuyết, thiên về Đại chúng bộ, có sau cả luật Tăng-kỳ.

Trên đây là nói 2 bộ luật của 2 bộ gốc là Thượng tọa bộ và Đại chúng bộ. Còn lại 4 bộ Ngũ phần, Thập tụng, Tứ phần và Hữu bộ thì toàn là hệ Thượng tọa bộ cả. Ít ra, chính trong những bộ luật hiện còn mà thấy đại thể giới pháp có thể nói là khá nhất vị.

### **(I.2)**

Tứ phần luật gọi đủ là "Đàm-mô-đức tứ phần luật". Đàm-mô-đức (Dharmagupta) dịch nghĩa là Pháp tạng hay Pháp hộ, tên của bộ chủ Pháp tạng bộ. Theo Đại tạng luận thì Pháp tạng bộ là thứ 9 trong hệ Thượng tọa bộ, xuất từ Hóa địa bộ và có trong bách kỳ 3 sau Phật nhập diệt. Luận ấy còn ghi thêm: những học thuyết của Pháp tạng bộ đa số lại đồng nhất với Đại chúng bộ. Ngài Khuy cơ còn ghi Pháp tạng bộ nói có 5 pháp tạng: kinh, luật, luận, minh chú, bồ-tát. Tương truyền ngài Pháp tạng là 1 trong 5 đệ tử của tôn giả Ưu-ba-cúc-đa.

Trung hoa thì đời Đường sắp đi, do ngài Đạo tuyên khởi lập, Luật tông lấy Tứ phần luật làm căn bản. Lý do vì sao lựa chọn như vậy thì tôi thật chưa rõ, vì chưa đọc đến các bộ sách quan trọng của ngài Đạo tuyên viết về Tứ phần luật, dựng lên Luật tông có học thuyết đàng hoàng. Việc tôi có ý nguyện làm từ lâu là dịch Tỷ-kheo giới bản của Tứ phần luật và làm những gì liên hệ đến giới bản ấy. Trong ý nguyện ấy, hôm nay tôi làm một phần của phần việc thứ nhất.

Tỷ-kheo giới bản cũng gọi là Giới kinh. Giới kinh ở đây có lúc chỉ cho Tứ phần luật, có lúc chỉ cho Tỷ-kheo giới bản của Tứ phần luật, quan trọng hơn nữa có lúc chỉ cho các bài tụng của 7 đức Phật (7 đức Phật có 7 bài tụng là có 7 bản Giới kinh). Riêng đức Bổn sư Thích ca thì 12 năm đầu của thì gian giáo hóa, Giới kinh chính là bài tụng được dịch ra 12 câu. Giới kinh này là cho chư tăng vô sự. Sau 12 năm mới có chư tăng hữu sự, tùy sự chế giới, thành ra Giới kinh có 250 giới nói theo Tứ phần luật.

Tỷ-kheo giới bản của Tứ phần luật kể như có 4 bản. Bản 1 là Tứ phần luật Tỷ-kheo hàm chú giới bản, số hiệu 1806 của Đại tạng kinh bản Đại chính, sẽ được gọi tắt là bản Đạo tuyên. Ngài Đạo tuyên, vị khai lập Luật tông Tứ phần luật, đã biên tập và lược giải giới bản Tỷ-kheo của Tứ phần luật, với phong cách một vị tổ sư. Tôi quý và tin bản này nhất, không những lấy làm chính văn mà còn lấy làm tài liệu chính để hiệu và ghi chú chính văn.

Bản 2 có tên Tân san định Tứ phần tạng giới bản, cũng của ngài Đạo tuyên. Bản này nằm trong Vạn 61/267-279. Dầu có bản này, so sánh, tôi vẫn chọn bản 1 làm chính văn.

Bản 3 là Tứ phần luật Tỷ-kheo giới bản, do ngài Hoài tổ biên tập, số hiệu 1429 của Đại tạng kinh bản Đại chính, sẽ được gọi tắt là bản Hoài tổ. Còn bản 4 là Tứ phần tạng giới bản, mang số hiệu 1430 của Đại tạng kinh bản Đại chính.

Bản dịch của tôi lấy bản Đạo tuyên làm chính văn. Nhưng chính văn ấy đến loại 7 và loại 8, tức 100 học pháp và 7 diệt tránh, thì lấy bản Hoài tổ. Lý do là vì tên của 2 loại này tuy mục lục bản Đạo tuyên có ghi, nhưng chính văn bản ấy không ghi đầy đủ như 6 loại trước. Tên ấy tôi cũng không thấy cần thiết nữa, nên quyết định lấy chính văn bản Hoài tổ, ở đây không ghi tên hay số gì cả, số là của bản Đạo tuyên.

Cũng xin ghi rõ là trong khi dịch, các bản dịch của các hòa thượng Trí thủ và Thiện hòa cũng được tham khảo rất nhiều.

Nên nói thêm về tên giới điều. Trong 8 loại 250 giới, 6 loại đầu có 143 giới thì tên được dịch cả, còn 2 loại 7 và 8 có 107 giới thì, như mới nói, bản Đạo tuyên không ghi đầy đủ nên tôi cũng không dịch. Nhưng điều đáng nói là có ý kiến cho rằng tên giới điều không nên tu vào chính văn giới điều. Nay tôi xét thấy có lỗi chỗ chính tên giới điều làm cho giới điều rõ hơn lên, chưa kể cái tên làm cho giới điều như được nói tắt, nói ý chính. Chính sự xét thấy này mà thấy 6 loại trước cần tu tên, còn 2 loại sau sự ấy không cần thiết nữa.

Trong khi dịch tôi vấp 1 chữ. Ấy là chữ "thời". Có không dưới 10 chữ. Chữ quan trọng và khó hiểu nhất là ở đoạn kết thúc 13 giới tăng tàn. Đồ các bộ luật khác thấy Ngũ

phần và Thập tụng viết "thị pháp ung nhĩ" (giới này phải thế), Tăng-kỳ viết "thị sự pháp nhĩ" (việc này là thế đây), Hữu bộ viết "thử thị xuất tội pháp" (đó là cách giải tội). Như vậy chữ "thời" có thể hiểu là trường hợp. "Thị vị thời" đã được dịch "đó là trường hợp này". Những chữ "thời" sau đó đại khái cũng được dịch là "trường hợp" cả.

### (I.3)

Tỳ-kheo giới của Tứ phần luật có 250 giới điều, tự chia ra 8 loại, nhắc lại, 8 loại ấy là: một, khí, có 4; hai, tăng tàn, có 13; ba, bất định, có 4; bốn, xả đọa, có 30; năm, đọa, có 90; sáu, hối quá, có 4; bảy, học pháp, có 100; tám, diệt tránh, có 7. Có ý kiến nói loại 8 không phải là giới. Nói như vậy xét ra không chính xác. Loại 8 cũng là giới điều, ở chỗ mỗi giới điều được lập ra do mỗi trường hợp khác nhau, thêm nữa, khi thi hành mỗi giới điều hay nhiều giới điều này rồi mà ai ngoan cố thì bị nghiêm trị hơn nữa.

Nay đem 8 loại 250 giới mà xét chung thì thấy có thể chia ra 3 loại. Loại một, là những giới điều phạm vào thì mất tư cách Tỳ-kheo, không còn sám hối hay giải tội gì mà cứu vãn được nữa. Loại hai là những giới điều mà phạm vào thì tư cách Tỳ-kheo chỉ còn một chút sống thừa, phải được cử tội, xử tội và giải tội bởi 20 vị Tỳ-kheo là ít nhất mới mong cứu vãn. Loại ba đến loại tám là những giới điều chỉ cần được cử tội, xử tội và giải tội bởi 10 cho đến 1 vị Tỳ-kheo là tư cách Tỳ-kheo được cứu vãn.

Dẫu phân loại như vậy mà 250 giới vẫn chưa mất cái cảm giác vụn vặt, mênh mang, nên nay tôi gộp loại là qui nạp lại, thì 250 giới có thể qui nạp như sau. Trong sự qui nạp này nên chú ý mấy chi tiết. Chi tiết 1 là đánh số giới điều, tức 1/1 là giới 1 của loại 1, cho đến 8/7 là giới 7 của loại 8. Chi tiết 2 là các mục qui nạp thì gộp loại là qui nạp, chứ không có thứ tự hay chính yếu thứ yếu gì ở đây. Chi tiết 3 là những mục ít giới điều thì gọi chung là linh tinh, nhưng có những mục chỉ có 1 giới điều mà vẫn đề riêng vì tính cách quan trọng giới điều ấy.

Dưới đây là qui nạp 250 giới điều.

- Liên hệ đến dâm: 1/1, 2/1, 2/2, 2/3, 2/4, 2/5, 3/1, 3/2.

- Liên hệ đến đạo: 1/2, 4/30.

- Liên hệ đến sát: 1/3, 5/19, 5/61, 5/62.

- Liên hệ đến vọng: 1/4, 2/8, 2/9, 5/1, 5/2, 5/3, 5/7, 5/8, 5/12, 5/13, 5/68, 5/80.

- Liên hệ đến y: 4/1, 4/2, 4/3, 4/4, 4/5, 4/6, 4/7, 4/8, 4/9, 4/10, 4/23, 4/24, 4/27, 4/28, 4/29, 5/60, 5/88, 5/89, 5/90, 7/1, 7/2.

- Liên hệ đến cụ: 4/11, 4/12, 4/13, 4/14, 4/15, 4/16, 4/17, 5/87.

- Liên hệ đến việc học Luật: 5/71, 5/72, 5/73, 5/75, 5/76.

- Liên hệ đến Phạt: 7/60, 7/61, 7/62, 7/63, 7/64, 7/65, 7/66, 7/67, 7/68, 7/69, 7/70, 7/71, 7/72, 7/73, 7/74, 7/75, 7/76, 7/77, 7/78, 7/79, 7/80, 7/81, 7/82, 7/83, 7/84, 7/85.

- Liên hệ đến sự ăn: 5/31, 5/32, 5/33, 5/34, 5/35, 5/37, 5/38, 5/39, 5/40, 5/41, 5/42, 6/1, 6/2, 6/3, 6/4, 7/26, 7/27, 7/28, 7/29, 7/30, 7/31, 7/32, 7/33, 7/34, 7/35, 7/36, 7/37, 7/38, 7/39, 7/40, 7/41, 7/42, 7/43, 7/44, 7/45, 7/46.

- Liên hệ đến tin đồ: 2/12, 7/3, 7/4, 7/5, 7/6, 7/7, 7/8, 7/9, 7/10, 7/11, 7/12, 7/13, 7/14, 7/15, 7/16, 7/17, 7/18, 7/19, 7/20, 7/21, 7/22, 7/23, 7/24, 7/25, 7/48.

- Liên hệ đến sự diệt tránh: 8/1, 8/2, 8/3, 8/4, 8/5, 8/6, 8/7.

- Liên hệ đến sự thuyết pháp: 7/52, 7/53, 7/54, 7/55, 7/56, 7/57, 7/58, 7/59, 7/86, 7/87, 7/88, 7/89, 7/90, 7/91, 7/92, 7/96, 7/97, 7/98, 7/99, 7/100.

- Liên hệ đến Tỷ-kheo ni: 5/21, 5/22, 5/23, 5/24, 5/25, 5/26, 5/27, 5/28, 5/29.

- Liên hệ đến nữ nhân: 5/4, 5/9, 5/30, 5/43, 5/44, 5/45.

- Liên hệ đến sự cư xử trong chư tăng với nhau: 4/25, 5/14, 5/15, 5/16, 5/17, 5/36, 5/46, 5/53, 5/55, 5/58, 5/59, 5/63, 5/64, 5/66, 5/69, 5/70, 5/74, 5/77, 5/78, 5/79.

- Liên hệ đến rượu: 5/51.

- Liên hệ đến người chưa thọ đại giới: 5/5, 5/6, 5/65.

- Liên hệ đến sự phá tăng: 2/10, 2/11.

- Liên hệ đến sự ngoan cố: 2/13, 5/54.

- Liên hệ đến bát: 4/21, 4/22, 7/95.

- Linh tinh:

của và của báu: 4/18, 4/19, 4/20, 5/82;

làm phòng nhà: 2/6, 2/7, 5/20;

thuốc: 4/26, 5/47;

đào đất: 5/10;

chặt cây: 5/11;

giường nằm: 5/18; 5/84, 5/85;

đũa giỡn: 5/52, 7/93, 7/94;

đốt lửa: 5/57;

quân đội: 5/48, 5/49, 5/50;

giặc: 5/67;

vua: 5/81;

đi không phải lúc: 5/83;

làm ống kim: 5/86;

tắm: 5/56;

vệ sinh: 7/47, 7/49, 7/50, 7/51.

Nếu qui nạp lại lần nữa thì 250 giới chỉ thuộc vào 2 loại mà thôi, ấy là loại giới luật và loại oai nghi. Loại giới luật là những giới điều cấm tội lỗi thật sự. Loại oai nghi là những giới điều cấm cử động bất xứng. Trong 8 loại của 250 giới, loại 1 là giới luật, loại 7 là oai nghi, còn lại là cả hai.

#### (I.4)

Cuộc đời như cuộc đời của Phật, nếu có ký sự thì ký sự ấy lượng và chất phải đạt đến tầm cỡ bậc nhất nhì. Thế nhưng ký sự ấy chỉ nằm rải rác trong các kinh luật. Chỉ có một cạnh khía ký sự rất rõ rệt. Đó là sự sinh hoạt giới luật của Phật và chư tăng của

Ngài. Sinh hoạt giới luật, từ ngữ này muốn nói sinh hoạt của Phật và chư tăng của Ngài thì toàn bộ là nhằm vào cuộc sống viễn ly ác pháp. Cảnh khóa này luật tạng của bộ phái nào cũng là bộ kỷ sự khá về lượng cũng như chất.

Chư tăng của Phật trong 12 năm đầu gọi là "Vô sự Tỳ-kheo": Tỳ-kheo không có gì rắc rối cả. Giới luật cho chư tăng thì gian này chỉ là bài tụng mà có thể nói vẫn tất là giữ sạch thân miệng ý. Sau 12 năm mới có kẻ hữu sự, mới có rắc rối. Rắc rối nhất là cái nhóm 6 người gọi là "lục quần Tỳ-kheo". Rồi tùy trường hợp rắc rối xảy ra mà có sự qui định ứng phó lại. Mỗi lần ứng phó là thành một giới điều. Như vậy cái số lượng 250 giới điều không phải nhiều nhיע gì đối với tập thể mà thường xuyên đã có cả ngàn, lại trải qua thì gian ba bốn chục thập kỷ. Nhìn như thế này thì không những thấy 250 không nhiều, mà còn nhìn thấy cái phạm trong cái thánh của chư tăng thời Phật, cái phạm chẳng phạm gì nhiều và nặng.

Giới điều tuy nhiều, mỗi giới điều lại có khai giá (linh động và hạn chế), nhưng căn bản của giới luật chỉ là **thiểu dục tri túc**. **Thiểu dục** là ít ham muốn đối với những gì chưa có. **Tri túc** là biết vừa đủ đối những gì đã có. Có thiểu dục tri túc thì không phạm giới. Giữ giới có nghĩa là thiểu dục tri túc chứ không gì khác.

Nhưng Tỳ-kheo giới được truyền thọ như thế nào? Tỳ-kheo giới được truyền thọ, và lãnh thọ, giữa người sống với người sống, người sống mà phải hiện diện mới đúng phép. Số người hiện diện truyền thọ thường gọi là thập sư. Nghĩa là phải có 10 vị Tỳ-kheo hiện diện thì việc truyền thọ Tỳ-kheo giới mới thành tựu. Qui định này cho thầy Tỳ-kheo giới khi được lãnh thọ rồi thì sẽ được và phải được hộ trì, giám sát, được cử tội, xử tội và giải tội bởi chính những vị Tỳ-kheo khác mà trong đó có các vị thầy đã truyền thọ.

Không những thọ giới và trì giới dựa trên cái lực của các vị thầy hiện diện, mà sự sám hối khi phạm giới lại càng là như vậy. Phạm giới Tỳ-kheo thì tùy giới đã phạm mà sám hối trước 1 cho đến 20 vị Tỳ-kheo khác, nghĩa là cũng người hiện diện đối với người hiện diện chứ không phải khơi khơi mà được.

Thêm nữa, Luật không cho sa-di đọc Tỳ-kheo giới trước khi được thọ giới ấy. Vì thâm định sa-di có hay không có tư cách thọ và trì Tỳ-kheo giới thì không phải sa-di tự thâm định. Mà trách nhiệm là vị thầy. Vị thầy phải giáo dục cho sa-di có tư cách thọ và trì Tỳ-kheo giới, và thâm định tư cách ấy. Không phải sa-di tự coi Tỳ-kheo giới, tự cho mình có tư cách thọ và trì giới ấy mà được. Do vậy, không ở đâu mà cái nghĩa thầy trò được nói cho bằng trong luật. *"Hòa thượng tự nhiên sinh tâm thương nhớ đệ tử như con, đệ tử tự nhiên sinh tâm kính trọng hòa thượng như cha, siêng năng dạy bảo, lại thêm tôn kính, thì có khả năng làm cho Phật pháp rộng thêm, làm cho Phật pháp tồn tại lâu dài"* (Ngũ phần, Chính 22/110).

Ngày nay có cái hiện tượng suy đồi, ấy là thọ giới rồi là rồi, thầy không còn biết đến trò, trò chẳng còn biết đến thầy. Đôi bên chẳng còn vương vấn gì đến nhau, không còn mà cũng không muốn giữ một trách nhiệm gì với nhau. Trong khi thọ Tỳ-kheo giới là con người được sinh ra một lần nữa, sinh ra giới thân tuệ mạng. Ấy vậy mà không mấy ai lấy làm quan trọng sự được sinh ra ấy cả.

## (I.5)

Tỳ-kheo giới với Bồ-tát giới có tương quan không, và tương quan thì như thế nào? Hãy đem 2 giới bản Tỳ-kheo của Tứ phần và Bồ-tát của Phạn võng mà xét thì thấy có những điều đáng nói sau đây.

Một, Tỳ-kheo giới truyền thọ do người hiện diện cả. Kiết-ma đặc giới là tăng Kiết-ma. Rồi nếu phạm giới thì cứ tội, xử tội và giải tội đều là tăng Kiết-ma. Sám hối cũng là đối với tăng hiện diện. Bồ-tát giới thì cần nhất là vị thầy vừa là giáo thọ vừa là hòa thượng, còn Kiết-ma đặc giới là tác bạch thập phương chư Phật Bồ-tát, nhưng sám hối thì cực kỳ khó khăn.

Hai, Bồ-tát giới lấy sự phát bồ-đề tâm làm căn bản. Có bồ-đề tâm thì có đủ giới pháp, mất bồ-đề tâm thì giới pháp không những dễ vi phạm, mà có giữ cũng không có ý nghĩa vì vô thượng bồ-đề mà giữ. Tỳ-kheo giới thì tách rời tất cả thân nghiệp và ngữ nghiệp cần tách rời (Câu xá, Chính 29/73), nên thân và miệng mà tội lỗi hay bất xứng thì đã là phạm giới.

Ba, Tỳ-kheo giới thì người lãnh thọ bị khảo sát giá nạn rất kỹ: phải là người mà quá khứ, bề trong, bề ngoài và hoàn cảnh đều tương đối coi được mới được thọ giới. Bồ-tát giới không cần đến như vậy, bởi vì trừ Tỳ-kheo Bồ-tát giới là tăng bảo, mọi bề ngoài tôn nghiêm đã phải có khi thọ Tỳ-kheo giới rồi, còn mọi người ai cũng có thể được thọ cái giới pháp bản nguyên thanh tịnh của mình, miễn là có thể phát bồ-đề tâm và hiểu được tiếng nói của vị thầy truyền giới.

Bốn, Tỳ-kheo giới có cái lý do giữ giới là để tránh đời chê ghét (tị thế cơ hiềm). Chính cái lý do này là cái phần lợi tha của Bồ-tát giới. Và chính trong ý nghĩa này mà nói là giáo hóa chúng sinh, mà nói là duy trì Phật pháp.

## (I.6)

Điều phải nói ở đây là sự "phá tăng". Phá tăng là phá Kiết-ma tăng và phá pháp luân tăng. Phá Kiết-ma tăng là đầu chỉ có 4 vị Tỳ-kheo mà 1 người không đồng chúng hòa hợp hay tập hợp, thì sự Kiết-ma bất thành, mọi tăng sự, kể cả sự thuyết giới, đều không thể cử hành. Phá pháp luân tăng là đầu chỉ có 9 Tỳ-kheo mà 1 người đứng ra chia rẽ, kéo theo mình 4 người (để đủ số Tỳ-kheo làm Kiết-ma) rồi tự xưng giáo chủ, xướng ra giáo pháp và lập ra giáo đoàn riêng, nói cách khác là biệt lập Phật giáo riêng (hay khuynh đảo tổ chức của Phật giáo làm thành tổ chức của mình).

Phá tăng, như vậy, là phá hoại Phật giáo. Theo tôn giả Thế thân, loại tội nặng nhất là 5 tội vô gián, trong 5 tội ấy tội phá tăng, nhất là phá pháp luân tăng, là tội nặng nhất, vì "thương tôn pháp thân của Phật". Phá tăng như vậy bản thể là cuồng ngữ. Kẻ phá tăng phải là Tỳ-kheo, không phải tại gia hay Tỳ-kheo ni mà làm được, là kẻ tịnh hạnh chứ không phải người phạm giới, bởi vì phạm giới thì nói không uy tín (Câu xá, Chính 29/93).

Tôn giả Thế thân nói còn thiếu một điều, ấy là những kẻ này hay lợi dụng chính quyền hoặc để cho chính quyền lợi dụng. Kẻ ấy, xưa kia, thời Phật là Đề-bà. Ngày nay, thừa kế Đề-bà cũng không phải thiếu người. Và cái tội phá tăng nặng đến nỗi phạm vào thì hết còn nói đến thọ giới trì giới gì nữa. Ấy thế nhưng có điều lạ là Tỳ-kheo giới cũng như Bồ-tát giới đều đã không nghiêm khắc đúng mức về tội này.

Bồ-tát giới thì những gì liên quan đến sự phá tăng, thí dụ các điều 47 và 48, chỉ để vào loại giới pháp nhẹ. Tỳ-kheo giới thì như các điều 2/10 và 2/11, chỉ xếp vào loại tăng tàn, mặc dầu trường hợp có ra 2 giới điều ấy là chính sự phá tăng của Đề bà.

Ngày trước, khi dịch giải Bồ-tát giới Phạm võng, tôi đã muốn nêu điều này lên. Nhưng rồi lúc đó tôi không làm. Nay nêu lên điều này không phải như một nghi vấn, mà là sự phá tăng ngày nay có chứ không phải không có, vậy mà giới pháp không lên án đúng mức thì làm sao cảnh tỉnh những kẻ Đề-bà mới, những kẻ từng đàng với Đề-bà mới?

-oOo-

[Đầu trang](#) | [Chương kế](#)

Source: **Buddhism Today**, <https://members.xoom.com/budtoday/>

---

[\[Trở về trang Thư Mục\]](#)

*update: 29-09-2000*

## Tỷ-kheo giới (2)

*Hòa-thượng Thích Trí-Quang dịch giải*

(tiếp theo)

### II. Phân đầu Tỷ-kheo Giới

*Cúi đầu kính lạy  
chư Phật, Phật pháp  
và Tỷ-kheo tăng.  
Nay tụng Giới kinh (1)  
là để làm cho  
Phật pháp thường còn.*

*Giới như biển cả  
không có bờ mé,  
lại như ngọc báu  
cầu hoài không chán.*

*Muốn giữ tài sản  
của các Thánh giả (2)  
đại chúng họp lại  
nghe tôi tụng Giới.*

*Muốn trừ bốn thứ  
gọi là tội khí,  
muốn diệt mười ba  
tội lỗi tăng tàn,  
muốn ngăn ba mươi  
tội lỗi xa đọa (3),  
đại chúng họp lại  
nghe tôi tụng Giới.*

*Đức Tỳ-bà-thi,  
cùng đức Thi-khí,  
đức Tỳ-xá-phù,  
đức Câu-lưu-tôn,  
đức Câu-na-hàm,  
cùng đức Ca-diếp  
và đức Thích-ca,  
chư Phật như vậy  
đã thuyết Giới kinh (4) .*

*Nay tôi tụng lại  
Giới kinh như vậy,*

đại chúng cùng nghe.

Ví như có người  
chân đã thương tổn  
thì không thể nào  
tự đi đến đâu,  
người nào phá giới  
thì cũng như vậy  
không thể sinh trong  
chư thiên nhân loại.

Muốn sinh chư thiên  
hay sinh nhân loại,  
thì phải giữ lấy  
đôi chân giới pháp,  
đừng để có điều  
vi phạm thương tổn.

Như người đánh xe  
đi vào đường hiểm  
thì lo xe ấy  
rơi chốt gãy trục,  
người mà phá giới  
thì cũng như vậy,  
đối diện cái chết  
lòng đầy lo sợ.

Như người soi gương  
thấy đẹp thì thích  
thấy xấu thì rầu,  
tụng giới cũng vậy  
giới toàn thì mừng  
giới hỏng thì lo.

Hai quân đánh nhau  
ai gan thì tiến  
ai khiếp thì thoái,  
tụng giới cũng vậy  
trong sạch: yên tâm  
dơ bẩn: lo sợ.

Trong cả mọi người  
vua là hơn hết,  
trong các dòng nước  
biển là hơn hết,  
trong các sao đêm  
trăng là hơn hết,  
trong các vị thánh  
Phật là hơn hết,  
trong các giới luật (5)  
Giới kinh hơn hết,  
nên đức Thế tôn  
đã qui định rằng  
cứ mỗi nửa tháng  
phải tụng một lần.

Tăng hòa hợp (6) không? Đáp: tăng hòa hợp.

Tăng tập hợp chưa? Đáp: tăng tập hợp.

Người chưa thọ đại giới đã ra chưa? Nếu có thì báo ra và đáp: người chưa thọ đại giới đã ra; nếu không thì đáp: trong đây không có người chưa thọ đại giới.

Các vị Tỳ-kheo không đến đây có nói dữ dục và thanh tịnh (7) không? Nếu có thì đáp có và thưa đúng cách, nếu không thì đáp trong đây không có người nói dữ dục và thanh tịnh.

Chúng Tỳ-kheo ni phải ai đến? Nếu có thì đáp có và thưa đúng cách, nếu không thì đáp trong đây chúng Tỳ-kheo ni không phải ai đến.

Hôm nay tăng hòa hợp để làm gì? Đáp: để Kiết-ma tụng giới.

Đại đức tăng nghe cho, hôm nay là ngày 15, ngày tăng bố-tát tụng giới, nếu tăng thấy đến lúc (8), tăng chấp thuận, thì cử hành bố-tát tụng giới. Xin tác bạch như vậy. Tác bạch thành không? Đáp: thành (9) .

-oOo-

### III. Tỳ-kheo Giới:

#### III.1 Lời Mở Đầu

Bạch chư đại đức, nay tôi sắp tụng Ba-la-đề-mộc-xoa (*Patimokkha*). Chư vị Tỳ-kheo cùng tập hợp một chỗ. Chư vị hãy lắng nghe, và nhớ nghĩ cho khéo. Nếu tự biết có phạm giới thì phải tự sám hối, không phạm giới thì hãy im lặng. Vì im lặng mà biết chư đại đức thanh tịnh. Nếu có ai hỏi thì cũng trả lời như vậy. Thế nên vị Tỳ-kheo ở trong đại chúng được hỏi đến lần thứ 3, và nhớ nghĩ mình có tội, mà không sám hối, thì bị tội cố ý nói dối. Mà nói dối thì Phật đã dạy là sự cản trở thánh đạo (10) . Nếu vị Tỳ-kheo nhớ nghĩ mình có tội và muốn được thanh tịnh thì phải sám hối. Sám hối thì yên vui.

Bạch chư đại đức, tôi đã nói lời nói đầu của Giới kinh. Nay xin hỏi chư đại đức, trong lời nói đầu ấy có thanh tịnh cả không? (Hỏi 3 lần). Bạch chư đại đức, trong lời nói đầu ấy chư vị thanh tịnh cả, vì chư vị cùng im lặng. Việc này tôi nắm chắc (11) như vậy.

#### III.2 Bốn Giới Khí

Bạch chư đại đức, 4 giới Ba-la-di - *Parajika* (12) sau đây, cứ mỗi nửa tháng thì tụng một lần, và được rút ra từ trong giới kinh.

**Thứ 1, giới đại dâm dục.**- Nếu Tỳ-kheo đồng giới pháp với Tỳ-kheo khác (12b), không xả giới, nhưng giới kém mà không tự hối, phạm vào sự bất tịnh (13) cho đến cùng với súc vật, thì phạm ba-la-di của Tỳ-kheo, không còn được sống chung (14) với chư tăng.

**Thứ 2, giới đại trộm cắp.** - Nếu Tỳ-kheo ở trong xóm làng hay nơi vắng vẻ, lấy của người ta không cho với ý thức ăn trộm; tùy tội lấy của không cho mà bị vua, hay đại thần của vua, bắt, giết, trói, đuổi ra khỏi xứ, mắng rầy anh là giặc, anh ngu si, anh không biết gì, thì phạm ba-la-di của Tỳ-kheo, không còn được sống chung với chư tăng.

**Thứ 3, giới đại sát hại.** - Nếu Tỳ-kheo cố ý tự tay sát hại mạng người, hoặc cầm dao đưa cho người, hoặc khen ngợi sự chết, khuyến khích sự

chết, rằng quái lạ, anh kia, sống khôn nạn như vậy làm gì, tà chết, đừng sống; với ý thức như vậy mà nghĩ mọi cách để khen ngợi sự chết, khuyến khích sự chết, thì phạm ba-la-di của Tỷ-kheo, không còn được sống chung với chư tăng.

**Thứ 4, giới đại vọng ngữ.**- Nếu Tỷ-kheo thật không biết gì mà tự xưng tôi được pháp của bậc thượng nhân, tôi đã nhập vào pháp siêu việt của thánh trí, tôi biết như vậy, tôi thấy như vậy; qua thì gian khác, hoặc được hỏi hoặc không được hỏi, mà muốn tự thanh tịnh nên nói rằng tôi thật không thấy không biết gì mà nói biết nói thấy, thì, trừ tăng thượng mạn (15), phạm ba-la-di của Tỷ-kheo, không còn được sống chung với chư tăng.

Bạch chư đại đức, tôi đã nói 4 giới ba-la-di. Nếu Tỷ-kheo phạm vào mỗi một ba-la-di, thì không còn được sống chung với chư tăng. Như khi chưa thọ đại giới, thọ đại giới rồi mà vi phạm thì cũng vậy. Nên Tỷ-kheo bị tội ba-la-di thì không nên sống chung với chư tăng. Vậy nay xin hỏi chư đại đức, trong 4 giới ấy có thanh tịnh cả không? (Hỏi 3 lần). Bạch chư đại đức, trong 4 giới ấy các vị thanh tịnh cả, vì các vị cùng im lặng. Việc này tôi nắm chắc như vậy.

### **III.3 Mười Ba Giới Tăng Tàn**

Bạch chư đại đức, 13 giới tăng-già bà-thi-sa - *Sanghadisesa* (16) sau đây, cứ mỗi nửa tháng thì tụng một lần, và được rút ra từ trong Giới kinh.

**Thứ 1, giới cố làm xuất tinh.**- Nếu Tỷ-kheo có ý lộng âm xuất tinh (17) thì, trừ chiêm bao, phạm tăng-già bà-thi-sa.

**Thứ 2, giới chạm thân nữ nhân.**- Nếu Tỷ-kheo với ý thức dâm dục mà chạm nhau với thân nữ nhân, hoặc nắm tay, hoặc nắm tóc, hoặc chạm vào mỗi một thân phần, thì phạm tăng-già bà-thi-sa.

**Thứ 3, giới nói năng thô tục** (18) .- Nếu Tỷ-kheo với ý thức dâm dục mà nói năng thô tục dâm dăng với nữ nhân; nói năng thô tục dâm dăng thì phạm tăng-già bà-thi-sa.

**Thứ 4, giới đòi hiến dâm dục** (19) .- Nếu Tỷ-kheo với ý thức dâm dục mà đối diện với nữ nhân tự ca tụng mình, rằng cô em, tôi tu phạn hạnh, giữ giới, tinh tiến, tu các thiện pháp; cô em hãy đem sự dâm dục mà hiến cho tôi, hiến như vậy là hơn hết, thì phạm tăng-già bà-thi-sa.

**Thứ 5, giới làm người mai mối.**- Nếu Tỷ-kheo qua lại đôi bên để làm mai mối, đem ý người nam nói với người nữ, đem ý người nữ nói với người nam, để làm cho họ lấy nhau hay tư thông với nhau, thì đầu chi chóc lát cũng phạm tăng-già bà-thi-sa.

**Thứ 6, giới làm nhà quá mức** (20).- Nếu Tỷ-kheo tự tìm cách làm nhà chứ không có thí chủ, tự làm cho mình, thì phải làm đúng mức. Mức ở đây là dài bằng 12 gang tay của Phật, rộng bằng 7 gang tay của Ngài. Lại phải thỉnh chư Tỷ-kheo chỉ định nơi chỗ. Chư Tỷ-kheo chỉ định nơi chỗ không tai nạn và không chướng ngại. Nếu Tỷ-kheo nơi chỗ tai nạn và chướng ngại mà tự tìm cách làm nhà chứ không có thí chủ, tự làm cho mình, không thỉnh chư Tỷ-kheo chỉ định nơi chỗ, lại làm quá mức, thì phạm tăng-già bà-thi-sa.

**Thứ 7, giới không thỉnh chỉ định (21) .-** Nếu Tỷ-kheo muốn làm nhà lớn mà có thí chủ, làm cho mình, thì phải thỉnh chư Tỷ-kheo đến chỉ định nơi chỗ. Chư Tỷ-kheo nên chỉ định nơi chỗ không tai nạn và không chướng ngại. Nếu Tỷ-kheo nơi chỗ tai nạn và chướng ngại mà làm nhà lớn, có thí chủ, làm cho mình, nhưng không thỉnh chư Tỷ-kheo đến chỉ định nơi chỗ, thì phạm tăng-già bà-thi-sa.

**Thứ 8, giới vu khống phỉ báng (22) .-** Nếu Tỷ-kheo vì tức giận, đối với vị Tỷ-kheo không phạm tội ba-la-di mà, một cách vô căn cứ, phỉ báng vị ấy phạm tội ba-la-di, phỉ báng với ý thức muốn phá hoại sự thanh tịnh của vị ấy; rồi trong thì gian khác, được hỏi hay không được hỏi, Tỷ-kheo biết đó là sự phỉ báng vô căn cứ, và nói rằng vì tôi tức giận nên phỉ báng như vậy. Tỷ-kheo phỉ báng như vậy thì phạm tăng-già bà-thi-sa.

**Thứ 9, giới xuyên tạc phỉ báng (23) .-** Nếu Tỷ-kheo vì tức giận nên lấy một cạnh khía của việc khác, đối với vị Tỷ-kheo không phạm ba-la-di mà, một cách vô căn cứ, phỉ báng rằng phạm tội ba-la-di, với ý thức phá hoại sự thanh tịnh của vị ấy; đến thì gian khác, được hỏi hay không được hỏi, Tỷ-kheo ấy biết mình lấy một cạnh khía của việc khác, tự nói vì tôi tức giận nên phỉ báng như vậy, thì phạm tăng-già bà-thi-sa.

**Thứ 10, giới phá tăng hòa hợp (24) .-** Nếu Tỷ-kheo muốn phá hoại tăng hòa hợp (25) nên hành động mọi cách phá hoại tăng hòa hợp, chấp nhận mọi cách phá hoại tăng hòa hợp mà kiên trì không bỏ. Các vị Tỷ-kheo nên can gián Tỷ-kheo ấy, rằng đại đức, đừng phá hoại tăng hòa hợp, đừng hành động mọi cách phá hoại tăng hòa hợp, đừng chấp nhận mọi cách phá hoại tăng hòa hợp mà kiên trì không bỏ. Đại đức, hãy cùng tăng hòa hợp, hoan hỷ, không tranh chấp, cùng học một thầy, như nước với sữa hòa nhau, thì trong Phật pháp sẽ có đời sống tăng ích, yên vui. Tỷ-kheo ấy khi được can gián như vậy mà vẫn kiên trì không bỏ, thì các vị Tỷ-kheo nên can gián đến lần thứ 3, vì để Tỷ-kheo ấy bỏ sự kiên trì ấy đi. Can gián đến lần thứ 3 mà bỏ thì tốt, không bỏ thì phạm tăng-già bà-thi-sa.

**Thứ 11, giới hỗ trợ phá tăng (26) .-** Nếu Tỷ-kheo ấy có phe cánh, một Tỷ-kheo, hai Tỷ-kheo, ba Tỷ-kheo cho đến vô số Tỷ-kheo; những Tỷ-kheo phe cánh này nói với các vị Tỷ-kheo, rằng chư đại đức, xin đừng can gián Tỷ-kheo ấy, Tỷ-kheo ấy là Tỷ-kheo nói đúng giáo pháp, Tỷ-kheo nói đúng giới luật, Tỷ-kheo ấy nói chúng tôi ưa thích, Tỷ-kheo ấy nói chúng tôi chấp nhận. Các vị Tỷ-kheo trả lời: các đại đức, đừng nói như vậy, rằng Tỷ-kheo ấy là Tỷ-kheo nói đúng giáo pháp, Tỷ-kheo nói đúng giới luật, Tỷ-kheo ấy nói chúng tôi ưa thích, Tỷ-kheo ấy nói chúng tôi chấp nhận. Bởi vì Tỷ-kheo ấy không phải là Tỷ-kheo nói đúng giáo pháp, không phải là Tỷ-kheo nói đúng giới luật. Các đại đức, đừng có ý muốn phá hoại tăng hòa hợp; các đại đức, hãy thích thú tăng hòa hợp. Các đại đức, hãy cùng tăng hòa hợp, hoan hỷ, không tranh chấp, cùng học một thầy, như nước với sữa hòa nhau, thì trong Phật pháp sẽ có đời sống tăng ích, yên vui. Những Tỷ-kheo ấy khi được can gián như vậy mà vẫn kiên trì không bỏ, thì các vị Tỷ-kheo nên can gián đến lần thứ 3, vì để những Tỷ-kheo ấy bỏ sự kiên trì ấy đi. Can gián đến lần thứ 3 mà bỏ thì tốt, không bỏ thì phạm tăng-già bà-thi-sa.

**Thứ 12, giới hoen ố tín đồ (27) .-** Nếu Tỷ-kheo sống trong xóm làng hay thành thị mà làm hoen ố tín đồ và làm những việc xấu (28), làm hoen ố tín đồ ai cũng thấy nghe, làm những việc xấu ai cũng thấy nghe. Các vị Tỷ-kheo nói với Tỷ-kheo ấy, rằng đại đức, đại đức đã làm hoen ố tín đồ và làm

những việc xấu, làm hoen ố tín đồ ai cũng thấy nghe, làm những việc xấu ai cũng thấy nghe; đại đức đã làm hoen ố tín đồ và làm những việc xấu thì nay hãy đi xa khỏi xóm làng này, đừng nên ở đây nữa. Tỳ-kheo ấy nói với các vị Tỳ-kheo, với lời nói như vậy: chớ đại đức, các vị có tham, có sân, có si, có sợ; có cái việc những Tỳ-kheo đồng tội mà người bị đuổi người không bị đuổi. Các vị Tỳ-kheo can rằng, đại đức, đừng nói như vậy, rằng chớ Tỳ-kheo có tham, có sân, có si, có sợ, có cái việc những Tỳ-kheo đồng tội mà người bị đuổi người không bị đuổi. Bởi vì chớ Tỳ-kheo không tham, không sân, không si, không sợ. Đại đức đã làm hoen ố tín đồ và làm những việc xấu, làm hoen ố tín đồ ai cũng thấy nghe, làm những việc xấu ai cũng thấy nghe. Tỳ-kheo ấy khi được can gián như vậy mà vẫn kiên trì không bỏ, thì các vị Tỳ-kheo nên can gián đến lần thứ 3, vì để Tỳ-kheo ấy bỏ sự kiên trì ấy đi. Can gián đến lần thứ 3 mà bỏ thì tốt, không bỏ thì phạm tăng-già bà-thi-sa.

**Thứ 13, giới ngoan cố chống cự (29) .-** Nếu Tỳ-kheo tính tình ngoan cố, không nghe ai hết; trong giới luật, các vị Tỳ-kheo đã can gián đúng phép mà bản thân Tỳ-kheo ấy không chịu sự can gián ấy, bằng cách nói rằng: chớ đại đức, đừng hướng về tôi mà nói tôi tốt hay tôi xấu, tôi cũng không hướng về chớ đại đức mà nói các ngài tốt hay các ngài xấu. Chớ đại đức hãy thôi đi, đừng luôn luôn can gián tôi. Các vị Tỳ-kheo can gián Tỳ-kheo ấy, rằng đại đức, đừng nên chính mình không chịu ai can gián. Đại đức nên chính mình chịu can gián. Đại đức hãy can gián chớ Tỳ-kheo một cách đúng phép, chớ Tỳ-kheo cũng can gián đại đức một cách đúng phép. Làm như vậy thì đệ tử của Phật được tăng ích nhờ can gián cho nhau, chỉ dạy cho nhau, sám hối với nhau. Tỳ-kheo ấy khi được can gián như vậy mà vẫn kiên trì không bỏ, thì các vị Tỳ-kheo nên can gián đến lần thứ 3, vì để Tỳ-kheo ấy bỏ sự kiên trì ấy đi. Can gián đến lần thứ 3 mà bỏ thì tốt, không bỏ thì phạm tăng-già bà-thi-sa.

Bạch chớ đại đức, tôi đã nói 13 giới tăng-già bà-thi-sa mà 9 giới trước thì mới phạm là thành tội, 4 giới sau thì sau lần can gián thứ 3 mới thành tội. Nếu Tỳ-kheo phạm mỗi một giới, biết mình phạm mà cố che giấu, thì chớ tăng phải buộc Tỳ-kheo ấy thì hành phép sống riêng (30) . Thì hành phép sống riêng rồi phải thì hành thêm phép hoan hỷ (31) trong 6 đêm ngày. Thì hành phép hoan hỷ rồi chớ tăng giải tội cho. Phải giữa 20 vị Tỳ-kheo mà giải tội cho Tỳ-kheo ấy; nếu thiếu 1 vị, không đủ 20 vị Tỳ-kheo, thì có giải tội đi nữa, tội của Tỳ-kheo ấy cũng không giải được, mà chớ tăng cũng đáng khiển trách. Đó là trường hợp (32) này. Nay xin hỏi chớ đại đức, trong 13 giới tăng-già bà-thi-sa ấy có thanh tịnh cả không? (Hỏi 3 lần). Bạch chớ đại đức, trong 13 giới ấy các vị thanh tịnh cả, vì các vị cùng im lặng. Việc này tôi nắm chắc như vậy.

### **III.4 Hai Giới Bất Định**

Bạch chớ đại đức, 2 giới bất định - *Aniyata* (33) sau đây, cứ mỗi nửa tháng thì tụng một lần, và được rút ra từ trong Giới kinh.

**Thứ 1, giới ngồi ở chỗ khuất .-** Nếu Tỳ-kheo cùng nữ nhân ngồi riêng ở chỗ khuất, chỗ che, chỗ ngăn, chỗ có thể hành dâm, mà nói những lời phi giới pháp. Có người nữ tín đồ đầy đủ tín tâm (34), nói Tỳ-kheo ấy phạm 1 trong 3 tội sau đây, tội ba-la-di, tội tăng-già bà-thi-sa, tội ba-dật-đề; Tỳ-kheo ấy cũng tự nói tội phạm tội ấy. Như vậy thì phải trị theo 1 trong 3 tội sau đây, tội ba-la-di, tội tăng-già bà-thi-sa, tội ba-dật-đề. Phải đúng như người nữ tín đồ đầy đủ tín tâm nói mà trị tội Tỳ-kheo ấy một cách đúng phép. Như thế gọi là sự bất định.

**Thứ 2, giới ngồi ở chỗ trống.**- Nếu Tỷ-kheo cùng nữ nhân ngồi ở chỗ trống, chỗ không thể hành dâm, mà nói thô tục. Có người nữ tín đồ đầy đủ tín tâm nói Tỷ-kheo ấy phạm 1 trong 2 tội sau đây, tội tăng-già bà-thi-sa, tội ba-dật-đề; Tỷ-kheo ấy cũng tự nói tội phạm tội ấy. Như vậy thì phải trị theo 1 trong 2 tội sau đây, tội tăng-già bà-thi-sa, tội ba-dật-đề. Phải đứng như người nữ tín đồ đầy đủ tín tâm nói mà trị tội Tỷ-kheo ấy một cách đúng phép. Như thế gọi là sự bất định.

Bạch chư đại đức, tôi đã nói 2 giới bất định. Nay xin hỏi chư đại đức, trong 2 giới ấy có thanh tịnh cả không? (Hỏi 3 lần). Bạch chư đại đức, trong 2 giới ấy các vị thanh tịnh cả, vì các vị cùng im lặng. Việc này tôi nắm chắc như vậy.

### **III.5 Ba Mươi Giới Xả Đọa**

Bạch chư đại đức, 30 giới ni-tát-kỳ ba-dật-đề - *Nissaggiya pacittiya* (35) sau đây, cứ mỗi nửa tháng thì tụng một lần, và được rút ra từ trong Giới kinh.

**Thứ 1, giới cắt y quá hạn.**- Nếu Tỷ-kheo 3 y (36) đã hoàn chỉnh, y công đức (37) đã xả, mà cắt giữ trường y (38), thì không làm tịnh thí (39) cũng được cắt giữ, nhưng quá 10 ngày thì phạm ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

**Thứ 2, giới rời y mà ngủ.**- Nếu Tỷ-kheo 3 y hoàn chỉnh, y công đức đã xả, mà trong 3 y rời 1 y ngủ khác chỗ (39b), thì trừ được tăng Kiết-ma (40) cho phép, phạm ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

**Thứ 3, giới cắt vải quá hạn.**- Nếu Tỷ-kheo 3 y hoàn chỉnh (41), y công đức đã xả, nhưng Tỷ-kheo ấy được vải phi thời, vậy cần thì cứ nhận, nhận rời may y cho mau thành. Nếu vải đủ thì tốt, nếu vải không đủ thì được phép cắt lại 1 tháng, chờ cho đủ vải. Nếu cắt lại quá hạn ấy thì phạm ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

**Thứ 4, giới lấy y không thân** (42) .- Nếu Tỷ-kheo lấy y của Tỷ-kheo ni không phải thân quyền của mình, thì, trừ sự trao đổi, phạm ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

**Thứ 5, giới bảo giặt y cũ** (43) .- Nếu Tỷ-kheo bảo Tỷ-kheo ni không phải thân quyền của mình giặt y cũ, hoặc nhuộm hoặc vổ, thì phạm ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

**Thứ 6, giới xin người y mới** (44) .- Nếu Tỷ-kheo xin y mới nơi cư sĩ hay vợ cư sĩ không phải thân quyền của mình, thì, trừ trường hợp khác, phạm ni-tát-kỳ ba-dật-đề. Trường hợp khác là nếu y bị cướp, bị mất, bị cháy, bị trôi, như vậy gọi là trường hợp khác.

**Thứ 7, giới lấy vải quá phận.**- Nếu Tỷ-kheo y bị mất, bị cướp, bị cháy, bị trôi, và nếu cư sĩ hay vợ cư sĩ không phải thân quyền của mình tự ý xin cho nhiều vải, thì Tỷ-kheo ấy nên nhận vải ấy theo sự biết vừa đủ. Nếu nhận nhiều hơn thì phạm ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

**Thứ 8, giới xin thêm tiền y** (45) .- Nếu Tỷ-kheo có cư sĩ và vợ cư sĩ sắm tiền may y cho Tỷ-kheo ấy, nói rằng sắm số tiền may y như vậy để cúng cho Tỷ-kheo tên như vậy. Tỷ-kheo ấy trước không có nhận lời xin tùy ý (45b) vậy mà vì muốn được y tốt nên đến nhà cư sĩ, nói như thế này: tốt lắm, cư sĩ, hãy vì tôi mà mua sắm cái y như vậy cho tôi. Như vậy mà được y thì phạm ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

**Thứ 9, giới khuyên chung tiền lại (46) .-** Nếu Tỷ-kheo có 2 cư sĩ và vợ cư sĩ sắm tiền may y cho Tỷ-kheo ấy, nói rằng mua y như vậy để cúng cho Tỷ-kheo tên như vậy. Tỷ-kheo ấy trước không có nhận lời xin tùy ý, vậy mà vì muốn được y tốt nên đến 2 nhà cư sĩ nói như vậy: tốt lắm, cư sĩ, hãy sắm tiền mua y như vậy, chung nhau mà mua cho tôi 1 cái y. Như vậy mà được y thì phạm ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

**Thứ 10, giới đòi y quá hạn.-** Nếu Tỷ-kheo có vua, đại thần, bà la môn, cư sĩ và vợ cư sĩ, phái người đưa số tiền sắm y đến cho Tỷ-kheo ấy, nói rằng hãy cầm tiền sắm y này đến đưa cho vị Tỷ-kheo tên như vậy. Người được phái đến chỗ Tỷ-kheo ấy, nói với Tỷ-kheo ấy, rằng bạch đại đức, nay con đem tiền sắm y đến cho ngài, xin ngài nhận lấy. Tỷ-kheo ấy nói như thế này với người được phái, rằng tôi không nên nhận số tiền sắm y này; nếu khi tôi cần y thì phải đúng và thanh tịnh mới nhận được. Người được phái nói với Tỷ-kheo ấy, rằng bạch đại đức, ngài có người giúp việc không? Tỷ-kheo ấy nói có; có người ở trong chùa kia, có người nam cư sĩ kia, họ là những người giúp việc của các Tỷ-kheo, thường giúp việc cho các ngài. Bây giờ người được phái đi đến nơi người giúp việc, giao số tiền sắm y, rồi trở lại chỗ Tỷ-kheo ấy, nói như vậy: bạch đại đức, người giúp việc tên như vậy, mà ngài đã chỉ, con đã giao cho người ấy số tiền sắm y. Khi nào đại đức thấy đúng lúc thì xin ngài đến người ấy, sẽ sắm được y. Tỷ-kheo ấy khi cần y thì nên đến người giúp việc mà, lần thứ hai và lần thứ ba, nhắc cho người ấy nhớ, bằng cách nói rằng tôi cần y; nếu lần thứ hai và lần thứ ba nhắc cho người ấy nhớ mà được y thì tốt. Nếu không được y thì lần thứ tư, lần thứ năm, lần thứ sáu, hãy yên lặng đứng trước người ấy; nếu lần thứ tư, lần thứ năm, lần thứ sáu, yên lặng đứng trước người ấy mà được y thì tốt. Nếu không được y mà đòi quá giới hạn nói trên để cho được y, thì phạm ni-tát-kỳ ba-dật-đề. Nếu không được y thì tự mình đi hay phái người đi, đến nơi người cho tiền sắm y mà nói, rằng trước đây người phái người đem tiền sắm y đến cho tôi, Tỷ-kheo tên như vậy; nhưng rốt cuộc tôi không được y, vậy người hãy đi lấy về, đừng để mất đi. Đó là trường hợp có thể làm.

**Thứ 11, giới ngoạ cụ tơ tằm.-** Nếu Tỷ-kheo kiểm tơ tằm xen với tơ lụa mà làm ngoạ cụ mới, thì phạm ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

**Thứ 12, giới ngoạ cụ lông đen.-** Nếu Tỷ-kheo lấy lông dê mới và toàn đen mà làm ngoạ cụ mới, thì phạm ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

**Thứ 13, giới ngoạ cụ lông trắng.-** Nếu Tỷ-kheo làm ngoạ cụ mới thì nên dùng lông dê mà 2 phần màu đen, 3 phần màu trắng, và 4 phần màu lẫn lộn; nếu Tỷ-kheo ấy không dùng 2 phần màu đen, 3 phần màu trắng, và 4 phần màu lẫn lộn (46b) mà làm ngoạ cụ mới, thì phạm ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

**Thứ 14, giới ngoạ cụ còn mới (47) .-** Nếu Tỷ-kheo thì làm ngoạ cụ mới, phải dùng đến 6 năm. Nếu dưới 6 năm, không xả bỏ cái cũ mà thay vào đó làm cái mới, thì, trừ tăng Kiết-ma cho phép, phạm ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

**Thứ 15, giới tọa cụ toàn mới (48) .-** Nếu Tỷ-kheo làm tọa cụ mới thì phải lấy 1 miếng tọa cụ cũ vuông vức 1 gang tay, may chồng lên trên tọa cụ mới để làm cho hồng màu sắc đi. Nếu làm tọa cụ mới mà không lấy 1 miếng tọa cụ cũ vuông vức 1 gang tay, may chồng lên trên tọa cụ mới để làm cho hồng màu sắc đi, thì phạm ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

**Thứ 16, giới cầm lông quá hạn (49) .-** Nếu Tý-kheo đi đường được lông dê, không có ai cầm giúp, thì mình được phép cầm lấy, nhưng cầm đi cho đến 3 do tuần mà thôi. Nếu không có ai cầm giúp, mình tự cầm lấy mà đi quá 3 do tuần, thì phạm ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

**Thứ 17, giới nhờ giặt lông dê (50) .-** Nếu Tý-kheo bảo Tý-kheo ni không phải thân quyến giặt, nhuộm và vổ giúp lông dê, thì phạm ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

**Thứ 18, giới cầm lấy tiền của (51) .-** Nếu Tý-kheo tự tay cầm lấy tiền, cầm lấy bạc vàng, hoặc bảo người cầm lấy, hoặc nhận lấy bằng cách bảo để xuống mặt đất, thì phạm ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

**Thứ 19, giới đổi chác tiền của (52) .-** Nếu Tý-kheo mà đổi chác (53) các thứ tiền và của báu, thì phạm ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

**Thứ 20, giới buôn bán các thứ.-** Nếu Tý-kheo mà mua rẻ bán đắt mọi thứ, thì phạm ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

**Thứ 21, giới cất bát quá hạn.-** Nếu Tý-kheo cất giữ trường bát (53b) mà không tịnh thí, thì chỉ được phép cất giữ 10 ngày. Quá thì hạn ấy thì phạm ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

**Thứ 22, giới kiểm bát quá phạm.-** Nếu Tý-kheo dùng cái bát chưa đủ 5 chỗ hàn bít, bát ấy cũng chưa ri nước, vậy mà thay vào đó đi tìm bát mới cho đẹp, thì phạm ni-tát-kỳ ba-dật-đề. Tý-kheo ấy nên đến giữa chư tăng mà xả bỏ bát mới ấy, và chư tăng tuần tự lấy cái bát của người thấp nhất (53c) đưa cho Tý-kheo ấy dùng, và dùng cho đến bể. Đó là đúng trường hợp.

**Thứ 23, giới kiểm chỉ dệt y (54) .-** Nếu Tý-kheo tự xin chỉ dệt, bảo thợ dệt không phải thân quyến của mình dệt y giúp, thì phạm ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

**Thứ 24, giới bảo thợ dệt thêm (55) .-** Nếu Tý-kheo có cư sĩ và vợ cư sĩ bảo thợ dệt dệt y cho Tý-kheo ấy. Tý-kheo ấy trước không có nhận lời xin tùy ý, lại đi đến chỗ thợ dệt, bảo rằng y này là dệt cho tôi, vậy anh dệt giúp cho thật đẹp, dệt cho rộng và bền, tốn thêm nhiều ít gì tôi cũng sẽ trả cho anh. Tý-kheo ấy trả thêm tiền dầu chỉ đáng giá một bữa ăn mà được y, thì phạm ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

**Thứ 25, giới đoạt lấy y lại.-** Nếu Tý-kheo trước cho y Tý-kheo khác, sau vì tức giận nên tự đoạt lại, hay bảo người đoạt, và rằng hãy trả y lại cho tôi, tôi không cho ông nữa. Tý-kheo kia trả y, mà Tý-kheo ấy lấy y, thì phạm ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

**Thứ 26, giới cất thuốc quá hạn (56) .-** Nếu Tý-kheo có bệnh, thì thuốc dư như sữa tô, dầu, sữa tô tươi, mật ong, đường phèn, được dùng trong thì hạn 7 ngày. Nếu quá 7 ngày mà còn dùng thì phạm ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

**Thứ 27, giới khăn tắm trước hạn (57) .-** Nếu Tý-kheo thì mùa xuân còn 1 tháng nên kiểm khăn tắm mùa, còn nửa tháng nên dùng mà tắm. Nếu Tý-kheo mà trước kiết hạ hơn 1 tháng đã kiểm khăn tắm mùa, trước kiết hạ hơn nửa tháng đã dùng mà tắm (58), thì phạm ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

**Thứ 28, giới cất y cúng gấp (59) .-** Nếu Tỷ-kheo còn 10 ngày nữa thì hết kiết hạ 3 tháng (60), chư Tỷ-kheo được phép nhận y cúng vội vàng. Tỷ-kheo ấy biết là y cúng vội vàng thì nên nhận, nhận rồi được cất giữ trong thì hạn của y ấy (61) . Nếu cất giữ quá thì hạn ấy thì phạm ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

**Thứ 29, giới rời y quá hạn (62) .-** Nếu Tỷ-kheo kiết hạ 3 tháng đã xong, sau đó 1 tháng ca-đề (63) cũng hết, đến ở chỗ a-lan-nhã (64), mà là chỗ có sự nghỉ ngơi, khiêu sợ. Tỷ-kheo ấy ở chỗ như vậy, thì trong 3 y, muốn thì gửi đi 1 y trong nhà thôn xóm. Tỷ-kheo ấy có lý do như vậy thì được phép rời y mà ngủ đến 6 đêm. Rời quá thì hạn ấy thì phạm ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

**Thứ 30, giới xoay vật chư tăng (65) .-** Nếu Tỷ-kheo biết đó là vật người ta muốn hiến cúng cho chư tăng, mà mình tìm cách xoay lại hiến cúng cho mình, thì phạm ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

Bạch chư đại đức, tôi đã nói 30 giới ni-tát-kỳ ba-dật-đề. Nay xin hỏi chư đại đức, trong 30 giới ấy có thanh tịnh cả không? (Hỏi 3 lần). Bạch chư đại đức, trong 30 giới ấy các vị thanh tịnh cả, vì các vị im lặng. Việc này tôi nắm chắc như vậy.

### **III.6 Chín Mười Giới Đạo**

Bạch chư đại đức, 90 giới ba-dật-đề - *Pacittiya* (66) sau đây, cứ mỗi nửa tháng thì tụng một lần, và được rút ra từ trong Giới kinh.

**Thứ 1, giới cố ý nói dối.**- Nếu Tỷ-kheo biết (67) mà nói dối, thì phạm ba-dật-đề.

**Thứ 2, giới chưởi mắng thành phần (68) .-** Nếu Tỷ-kheo đem thành phần xã hội ra mà chưởi mắng, thì phạm ba-dật-đề.

**Thứ 3, giới nói để ly gián (69) .-** Nếu Tỷ-kheo nói ly gián thì phạm ba-dật-đề.

**Thứ 4, giới ngủ cùng một nhà (70) .-** Nếu Tỷ-kheo cùng nữ nhân ngủ một nhà thì phạm ba-dật-đề.

**Thứ 5, giới ngủ quá thì hạn (71) .-** Nếu Tỷ-kheo cùng ngủ với người chưa thọ đại giới mà quá 2 đêm, đến đêm thứ 3 thì phạm ba-dật-đề.

**Thứ 6, giới đọc tụng kinh pháp một cách ồn náo thì phạm ba-dật-đề.** - Nếu Tỷ-kheo cùng với người chưa thọ đại giới đọc tụng kinh pháp một cách ồn náo thì phạm ba-dật-đề.

**Thứ 7, giới nói tội lỗi nặng.**- Nếu Tỷ-kheo biết người có tội lỗi nặng mà đem nói với người chưa thọ đại giới, thì, trừ tăng Kiết-ma sai báo, phạm ba-dật-đề.

**Thứ 8, giới nói thật đặc đạo (73) .-** Nếu Tỷ-kheo nói với người chưa thọ đại giới, rằng tôi được cái pháp hơn người, tôi thấy như vậy, tôi biết như vậy; nói thật như vậy thì phạm ba-dật-đề.

**Thứ 9, giới một mình thuyết pháp (74) .-** Nếu Tỷ-kheo thuyết pháp cho nữ nhân mà quá năm sáu lời (75), thì, trừ sự có mặt của nam tử trí thức, phạm ba-dật-đề.

**Thứ 10, giới đào đất đất đai.**- Nếu Tỳ-kheo tự tay đào đất hay báo người đào đất thì phạm ba-dật-đề.

**Thứ 11, giới chặt phá cây sống.**- Nếu Tỳ-kheo chặt phá cây cối, có nghĩa phá hủy chỗ ở của qui thần và sinh vật (76), thì phạm ba-dật-đề.

**Thứ 12, giới nói làm bực mình.**- Nếu Tỳ-kheo bày đặt nói quanh để làm người khác bực mình, thì phạm ba-dật-đề.

**Thứ 13, giới ghét mắng tri sự.**- Nếu Tỳ-kheo ghét mắng chức sự của chư tăng thì phạm ba-dật-đề.

**Thứ 14, giới trải đồ đất trống (77) .**- Nếu Tỳ-kheo đem đồ của chư tăng như giường giầy (78), giường cây, đồ nằm và nệm ngồi, tự sắp ra trên mặt đất trống, hay báo người sắp ra, dùng rồi bỏ đó mà đi, không tự xếp cất, cũng không báo ai xếp cất, thì phạm ba-dật-đề.

**Thứ 15, giới trải đồ chỗ che (79) .**- Nếu Tỳ-kheo sắp đồ nằm của chư tăng ra trong tăng phòng, tự mình sắp ra hay báo người sắp ra, rồi hoặc ngồi hoặc nằm, nhưng khi đi thì không tự xếp cất, cũng không báo ai xếp cất, thì phạm ba-dật-đề.

**Thứ 16, giới cưỡng chiếm chỗ nằm (80) .**- Nếu Tỳ-kheo biết chỗ của Tỳ-kheo ở trước, mình đến sau mà cưỡng chiếm ở giữa, trải đồ nằm ra ngủ nghỉ, với ý nghĩ rằng nếu Tỳ-kheo ở trước hiềm chận quá thì sẽ tự tránh mình mà đi. Ấy là muốn làm như thế chứ không có lý do gì khác. Phi uy nghĩ như vậy thì phạm ba-dật-đề.

**Thứ 17, giới lòi ra khỏi phòng.**- Nếu Tỳ-kheo tức giận, không ưa Tỳ-kheo khác, nên trong phòng hay trong nhà của chư tăng mà tự mình lòi ra hay báo người lòi ra, thì phạm ba-dật-đề.

**Thứ 18, giới ngồi giường sút chân.**- Nếu Tỳ-kheo ở trong phòng hay trên gác, mà ngồi hay nằm trên giường giầy hay giường cây sút chân, thì phạm ba-dật-đề.

**Thứ 19, giới dùng nước có trùng.**- Nếu Tỳ-kheo biết nước có trùng mà tự đem dội trên đất trên cỏ, hay báo người dội, thì phạm ba-dật-đề.

**Thứ 20, giới lợp nhà quá mức.**- Nếu Tỳ-kheo làm phòng hay nhà lớn, có cửa cánh, cửa sổ, và những đồ trang trí khác, thì chỉ báo lợp tranh chừng hai hay ba lớp. Lợp quá thì phạm ba-dật-đề.

**Thứ 21, giới tự đi dạy ni.**- Nếu Tỳ-kheo chư tăng không sai phái mà tự đi giáo thọ cho Tỳ-kheo ni, thì phạm ba-dật-đề.

**Thứ 22, giới thuyết pháp đến tối (81) .**- Nếu Tỳ-kheo được chư tăng sai phái đi giáo thọ cho Tỳ-kheo ni, mà đi đến trời tối thì phạm ba-dật-đề.

**Thứ 23, giới phi báng giáo thọ.**- Nếu Tỳ-kheo nói với các Tỳ-kheo khác bằng lời nói như vậy: các Tỳ-kheo chỉ vì sự ăn uống mà đi giáo thọ cho Tỳ-kheo ni, thì phạm ba-dật-đề.

**Thứ 24, giới đem y cho ni (82) .**- Nếu Tỳ-kheo đem y cho Tỳ-kheo ni không phải thân quyến của mình, thì, trừ sự trao đổi, phạm ba-dật-đề.

**Thứ 25, giới may y cho ni (83) .-** Nếu Tỷ-kheo may y cho Tỷ-kheo ni không phải thân quyến của mình thì phạm ba-dật-đề.

**Thứ 26, giới cùng ngồi với ni .-** Nếu Tỷ-kheo cùng với Tỷ-kheo ni ngồi ở chỗ khuất, ngẩn, thì phạm ba-dật-đề.

**Thứ 27, giới hện ni cùng đi .-** Nếu Tỷ-kheo hện với Tỷ-kheo ni đi chung một đường, thì dầu chỉ từ một xóm đến một xóm, cũng vẫn, trừ trường hợp khác, phạm ba-dật-đề. Trường hợp khác là đi với người đi buôn, hoặc đi mà có sự nghi ngại sợ hãi, đó gọi là trường hợp khác.

**Thứ 28, giới cùng ni đi thuyền .-** Nếu Tỷ-kheo cùng Tỷ-kheo ni hện nhau đi chung một thuyền ngược dòng hay xuôi dòng thì, trừ trường hợp đi dò ngang qua sông, phạm ba-dật-đề.

**Thứ 29, giới ăn của ni khuyến .-** Nếu Tỷ-kheo biết đồ ăn do Tỷ-kheo ni ca tụng khuyến hóa mà có, mà vẫn ăn, thì, trừ trường hợp thí chủ có ý thỉnh trước, phạm ba-dật-đề.

**Thứ 30, giới đi với nữ nhân .-** Nếu Tỷ-kheo cùng nữ nhân hện nhau đi một đường, thì dầu chỉ đi đến một xóm cũng vẫn phạm ba-dật-đề.

**Thứ 31, giới ăn quá một bữa .-** Nếu Tỷ-kheo có thí chủ chỉ cúng một bữa ăn, Tỷ-kheo ấy không bệnh thì nên ăn một bữa thôi. Nếu ăn quá đi thì phạm ba-dật-đề.

**Thứ 32, giới ăn nhiều lần ăn .-** Nếu Tỷ-kheo ăn nhiều lần thì, trừ trường hợp khác, phạm ba-dật-đề. Trường hợp khác là khi mình bị bệnh, khi có người dâng y, đó gọi là trường hợp khác.

**Thứ 33, giới ăn riêng tăng chúng .-** Nếu Tỷ-kheo ăn riêng tăng chúng thì, trừ các trường hợp khác, phạm ba-dật-đề. Các trường hợp khác là khi bệnh, khi may y gấp, khi có người dâng y, khi đi đường, khi đi thuyền, khi đại chúng tập hợp, khi sa môn của ngoại đạo mời ăn, đó gọi là các trường hợp khác.

**Thứ 34, giới nhận quá giới hạn (84) .-** Nếu Tỷ-kheo đến nhà cư sĩ có ý thỉnh Tỷ-kheo để cúng bánh, miến và cơm, Tỷ-kheo ấy nếu cần thì nhận vài ba bát, đem về trong chùa nên chia cho các Tỷ-kheo khác cùng ăn. Nếu Tỷ-kheo ấy không bệnh mà nhận quá vài ba bát, đem về trong chùa cũng không chia cho các Tỷ-kheo khác cùng ăn, thì phạm ba-dật-đề.

**Thứ 35, giới muốn ăn cho đủ .-** Nếu Tỷ-kheo ăn xong rồi, mà có khi nhận lời mời ăn nữa, nếu không làm phép ăn thừa (85) mà ăn, thì phạm ba-dật-đề.

**Thứ 36, giới ép phạm ăn nữa .-** Nếu Tỷ-kheo biết Tỷ-kheo khác ăn đủ rồi, mình có nhận lời mời ăn nữa mà không làm phép ăn thừa, lại ăn cần mời Tỷ-kheo khác ấy cùng ăn với mình, và Tỷ-kheo khác ấy cùng ăn. Tỷ-kheo ấy chỉ vì lý do muốn làm cho Tỷ-kheo khác ấy phạm giới, chứ không có lý do gì khác nữa, thì phạm ba-dật-đề.

**Thứ 37, giới ăn lúc phi thời .-** Nếu Tỷ-kheo ăn lúc không phải giờ ăn (86), ăn như vậy thì phạm ba-dật-đề.

**Thứ 38, giới ăn đồ cách đêm.**- Nếu Tỷ-kheo đồ ăn để cách đêm mà ăn, thì phạm ba-dật-đề.

**Thứ 39, giới ăn đồ không nhận (87) .-** Nếu Tỷ-kheo đối với thức ăn hay thuốc mình không nhận lời mời mà đã bỏ vào miệng (88) thì, trừ nước và tằm, phạm ba-dật-đề.

**Thứ 40, giới đòi đồ ăn ngon.**- Nếu Tỷ-kheo được có những thức ăn ngon như sữa, sữa lạc (89); Tỷ-kheo ấy có những thức ăn ngon ấy mà vốn không bệnh, chỉ tự đòi cho mình, thì phạm ba-dật-đề.

**Thứ 41, giới cho ngoại đạo ăn.**- Nếu Tỷ-kheo đối với ngoại đạo nam hay ngoại đạo nữ, mà mình tự tay cho họ thức ăn, thì phạm ba-dật-đề.

**Thứ 42, giới đi mà không nói (90) .-** Nếu Tỷ-kheo trước đã nhận lời mời về bữa ăn trước hay bữa ăn sau, rồi đi đến nhà khác mà không dặn lại cho các Tỷ-kheo, thì, trừ trường hợp khác, phạm ba-dật-đề. Trường hợp khác là bệnh, may y, cho y, đó gọi là trường hợp khác.

**Thứ 43, giới nhà ăn ngồi dai (91) .-** Nếu Tỷ-kheo tại nhà ăn có vật báu (92) mà mình miễn cưỡng ngồi dai thì phạm ba-dật-đề.

**Thứ 44, giới nhà ăn ngồi khuất (93) .-** Nếu Tỷ-kheo tại nhà ăn có vật báu mà mình ngồi chỗ khuất, thì phạm ba-dật-đề.

**Thứ 45, giới ngồi với nữ nhân (94) .-** Nếu Tỷ-kheo ngồi một mình với nữ nhân ở chỗ đất trống, thì phạm ba-dật-đề.

**Thứ 46, giới đuổi người đi đi.**- Nếu Tỷ-kheo nói với Tỷ-kheo khác như vậy, đại đức, đi với tôi đến xóm làng, sẽ có thức ăn cho đại đức. Nhưng đến rồi, Tỷ-kheo ấy đã không khuyên cúng thức ăn cho Tỷ-kheo khác này, mà lại bảo đại đức đi đi, tôi cùng đại đức ngồi hay nói với nhau một chỗ thì tôi không ưa, tôi ngồi một mình nói một mình thì thích hơn. Chỉ vì lý do như vậy, chứ không vì lý do gì khác hơn mà tìm cách xua đuổi người khác đi đi, thì phạm ba-dật-đề.

**Thứ 47, giới nhận thuốc quá hạn.**- Nếu Tỷ-kheo được hứa cho thuốc 4 tháng, Tỷ-kheo ấy không bệnh cũng nên nhận. Nhưng nếu nhận quá thì hạn ấy, thì, trừ người ta xin cho luôn, xin cho thêm, xin chia mà cho, xin cho suốt đời, phạm ba-dật-đề.

**Thứ 48, giới đi coi quân trận.**- Nếu Tỷ-kheo đi coi quân trận thì, trừ trường hợp có lý do, phạm ba-dật-đề.

**Thứ 49, giới trong quân quá hạn (95) .-** Nếu Tỷ-kheo có lý do thì được phép đến trong quân đội tá túc 2 đêm 3 đêm, quá thì hạn ấy thì phạm ba-dật-đề.

**Thứ 50, giới coi quân diễn tập.**- Nếu Tỷ-kheo được phép tá túc trong quân đội vài ba đêm mà hoặc coi quân đội dàn trận, hoặc coi lực lượng tượng binh kỹ binh diễn tập, thì phạm ba-dật-đề.

**Thứ 51, giới uống các thứ rượu.**- Nếu Tỷ-kheo uống các thứ rượu thì phạm ba-dật-đề.

**Thứ 52, giới đùa giỡn dưới nước.**- Nếu Tỷ-kheo đùa giỡn dưới nước thì phạm ba-dật-đề.

**Thứ 53, giới thọc léc người khác.**- Nếu Tỷ-kheo lấy ngón tay ngón chân thọc léc lẫn nhau thì phạm ba-dật-đề.

**Thứ 54, giới không nhận khuyên can.**- Nếu Tỷ-kheo không chấp nhận mọi sự khuyên can thì phạm ba-dật-đề.

**Thứ 55, giới dọa cho người sợ.**- Nếu Tỷ-kheo dọa cho Tỷ-kheo khác sợ thì phạm ba-dật-đề.

**Thứ 56, giới tắm dưới nửa tháng.** - Nếu Tỷ-kheo thì nửa tháng tắm rửa. Tỷ-kheo không bệnh thì nên chấp nhận như vậy, không được nhiều hơn, vì trừ trường hợp khác thì phạm ba-dật-đề. Trường hợp khác là khi nóng, khi bệnh, khi làm việc, khi bị gió mưa, khi đi đường, đó gọi là những trường hợp khác.

**Thứ 57, giới đốt lửa đất trống.**- Nếu Tỷ-kheo không bệnh, mà chỉ vì sưởi ấm nên tự đốt lửa giữa đất trống hay bảo người đốt, thì, trừ trường hợp có lý do, phạm ba-dật-đề.

**Thứ 58, giới cất giấu vật dụng.**- Nếu Tỷ-kheo cất giấu vật dụng của Tỷ-kheo khác như y, bát, đồ ngồi, ống kim, mình tự cất giấu hay bảo người cất giấu, ít nhất chỉ để giỡn chơi thôi, cũng phạm ba-dật-đề.

**Thứ 59, giới cho rồi lấy lại (96) .-** Nếu Tỷ-kheo đã đem y cho Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni, thức xoa ma na, sa-di, sa-di ni rồi, sau đó không nói với người chủ của y được cho, mà lấy lại dùng, thì phạm ba-dật-đề.

**Thứ 60, giới dùng y mới nguyên.**- Nếu Tỷ-kheo được có y mới nguyên, thì trong 3 màu làm hỏng nguyên màu, tùy ý lấy 1 màu mà làm hỏng nguyên màu đi, đó là màu xanh, màu đen, màu nâu vỏ cây mộc lan. Nếu Tỷ-kheo ấy không lấy màu xanh, màu đen, màu nâu vỏ cây mộc lan, 3 màu làm hỏng nguyên màu đi, mà dùng y mới nguyên, thì phạm ba-dật-đề.

**Thứ 61, giới cố hại súc sinh.**- Nếu Tỷ-kheo cố hại tính mạng súc sinh, thì phạm ba-dật-đề.

**Thứ 62, giới uống nước có trùng.**- Nếu Tỷ-kheo biết nước có trùng mà vẫn uống vẫn dùng, thì phạm ba-dật-đề.

**Thứ 63, giới quấy rối người khác (97) .-** Nếu Tỷ-kheo cố ý làm bức mình Tỷ-kheo khác, thì dầu làm cho chốc lát không vui thôi cũng phạm ba-dật-đề.

**Thứ 64, giới che giấu tội người.**- Nếu Tỷ-kheo biết Tỷ-kheo khác phạm tội nặng mà che giấu, thì phạm ba-dật-đề.

**Thứ 65, giới độ người thiếu tuổi (98) .-** Tuổi đầy 20 mới nên lãnh thọ đại giới. Nếu Tỷ-kheo biết người tuổi chưa đầy 20 mà cho lãnh thọ đại giới, thì người ấy không được giới pháp, mà Tỷ-kheo ấy cũng đáng trách vì ngu muội, nên phạm ba-dật-đề.

**Thứ 66, giới khơi sự tranh cãi (99) .-** Nếu Tỷ-kheo biết sự tranh cãi đã sám hối đúng phép rồi, mà sau đó mình còn khơi dậy trở lại, thì phạm ba-

dật-đề.

**Thứ 67, giới hện đi với giặc.**- Nếu Tỳ-kheo biết là giặc mà hện cùng đi một đường, thì dẫn đi chỉ bằng đến một thôn cũng phạm ba-dật-đề.

**Thứ 68, giới chống can nói càn (100) .-** Nếu Tỳ-kheo nói như vậy: theo tôi biết giáo pháp Phật nói thì hành dâm không phải là sự chướng đạo. Tỳ-kheo khác can Tỳ-kheo ấy, rằng đại đức, đừng nói như vậy, đừng phi báng đức Thế tôn. Phi báng đức Thế tôn thì không tốt. Đức Thế tôn không nói như vậy. Đức Thế tôn đã dùng nhiều cách nói rằng phạm vào sự dâm dục là điều chướng đạo. Tỳ-kheo khác can gián Tỳ-kheo ấy mà Tỳ-kheo ấy kiên trì không bỏ, thì Tỳ-kheo khác phải can gián đến lần thứ 3 để Tỳ-kheo ấy bỏ sự kiên trì ấy đi. Nếu can gián đến lần thứ 3 mà bỏ thì tốt, nếu không bỏ thì phạm ba-dật-đề.

**Thứ 69, giới theo người có lỗi (101) .-** Nếu Tỳ-kheo biết Tỳ-kheo nói "theo tôi biết giáo pháp Phật nói thì hành dâm không phải là sự chướng đạo" đang bị cử tội mà chưa được tác pháp giải tội, sự thấy biết sai lầm đến như vậy cũng không chịu từ bỏ; biết như vậy mà vẫn cung cấp đồ dùng, vẫn chung cùng Kiết-ma, vẫn cùng ngủ nghỉ cùng nói chuyện, thì phạm ba-dật-đề.

**Thứ 70, giới dung kẻ bị đuổi (102) .-** Nếu Tỳ-kheo biết sa-di nói như vậy: tôi nghe Phật nói hành dâm không phải là sự chướng đạo. Các vị Tỳ-kheo can gián sa-di ấy, bằng cách nói rằng ông đừng phi báng đức Thế tôn, phi báng đức Thế tôn thì không tốt; đức Thế tôn không dạy như ông nói. Nay, sa-di, đức Thế tôn đã dùng nhiều cách nói dâm dục là sự chướng đạo. Các vị Tỳ-kheo can gián như vậy mà sa-di ấy kiên trì không bỏ, thì các vị Tỳ-kheo nên can gián đến lần thứ 3 để sa-di ấy bỏ sự kiên trì ấy đi. Nếu can gián đến lần thứ 3 mà bỏ thì tốt. Nếu không bỏ thì các vị Tỳ-kheo nên bảo sa-di ấy, rằng từ nay sắp đi ông không còn được nói đức Phật là đáng Thế tôn của con, không được theo các vị Tỳ-kheo, các sa-di khác được ngủ một phòng với Tỳ-kheo vài ba đêm thì ông không còn được sự ấy nữa: ông hãy đi ra đi, hãy đi mất đi, không nên ở đây nữa. Nếu Tỳ-kheo biết sa-di ấy bề chur tăng đuổi như vậy mà dục đồ đem về nuôi dưỡng, cho ở chung ngủ chung, thì phạm ba-dật-đề.

**Thứ 71, giới chống cự khuyên học.**- Nếu Tỳ-kheo khi được các Tỳ-kheo đúng phép can gián, mà nói như vậy: tôi nay không học giới này, tôi sẽ gan hỏi vị Tỳ-kheo trì luật nào có trí tuệ, thì phạm ba-dật-đề. Nếu muốn học thật thì lại cần phải gan hỏi.

**Thứ 72, giới phi báng giới pháp.**- Nếu Tỳ-kheo khi nghe thuyết giới mà nói như vậy: đại đức can gì phải nói những giới điều vụn vặt như vậy. Nói những giới điều như vậy chỉ làm người bực mình, xấu hổ, thắc mắc. Vì khinh chê giới pháp nên phạm ba-dật-đề.

**Thứ 73, giới sợ nên nói trước (103) .-** Nếu Tỳ-kheo khi nghe thuyết giới mà nói như vậy: nay tôi mới biết giới điều này được chép trong Giới kinh, mỗi nửa tháng tụng một lần, rút ra từ trong Giới kinh. Nhưng các Tỳ-kheo khác biết Tỳ-kheo ấy đã 2 lần 3 lần ngồi nơi chỗ thuyết giới, huông chi đã nhiều lần. Tỳ-kheo ấy nói không hiểu biết, vậy nếu phạm tội thì phải đúng phép mà trị tội đã phạm, lại trị thêm tội không hiểu biết; hãy bảo rằng, đại đức, ông không được lợi ích, không khéo léo kiếm được lợi ích, ấy là khi

nghe thuyết giới mà ông không dụng tâm ghi nhớ, không nghe với một lòng và hai tai, ấy vậy, không hiểu biết giới điều thì phạm ba-dật-đề.

**Thứ 74, giới Kiết-ma rời hối** (104) .- Nếu Tỷ-kheo chung cùng Kiết-ma rời, sau đó nói rằng các Tỷ-kheo theo bạn thân nên lấy vật của chư tăng mà cho họ, thì phạm ba-dật-đề.

**Thứ 75, giới không nói dữ dục.**- Nếu Tỷ-kheo, chư tăng xử việc chưa xong, mình không nói dữ dục mà đứng dậy đi ra, thì phạm ba-dật-đề.

**Thứ 76, giới dữ dục rời hối.**- Nếu Tỷ-kheo dữ dục rồi sau đó hối tiếc, thì phạm ba-dật-đề.

**Thứ 77, giới lén nghe tranh cãi** (105) .- Nếu Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo tranh cãi với nhau, mình lén nghe rồi đem lời ấy nói với người khác, thì phạm ba-dật-đề.

**Thứ 78, giới đánh Tỷ-kheo khác** (106) .- Nếu Tỷ-kheo vì tức giận không vui mà đánh Tỷ-kheo khác, thì phạm ba-dật-đề.

**Thứ 79, giới tát Tỷ-kheo khác.**- Nếu Tỷ-kheo vì tức giận không vui mà lấy tay tát Tỷ-kheo khác, thì phạm ba-dật-đề.

**Thứ 80, giới vu khống phạm tội** (107) .- Nếu Tỷ-kheo vì tức giận nên đem sự vô căn cứ mà phỉ báng Tỷ-kheo khác phạm tăng-già bà-thi-sa, thì phạm ba-dật-đề.

**Thứ 81, giới vào cửa cung vua.**- Nếu Tỷ-kheo, có vua thuộc dòng Sát-lob, rưới nước đĩnh đầu lúc đang quang, vua này chưa ra khách, chưa cất bảo vật, mà mình đi vào, nếu bước qua ngưỡng cửa cung vua, thì phạm ba-dật-đề.

**Thứ 82, giới cầm giữ vàng ngọc.**- Nếu Tỷ-kheo đổi với vàng ngọc hay đồ trang sức bằng vàng ngọc, mà mình tự cầm giữ hay bảo người cầm giữ, thì trừ trong chùa và chỗ ngủ nhờ, phạm ba-dật-đề. Trong chùa và chỗ ngủ nhờ mà cầm giữ vàng ngọc hay đồ trang sức bằng vàng ngọc, tự mình cầm giữ hay bảo người cầm giữ, thì nên nghĩ rằng để người chủ nhớ mà đến lấy: vì ý nghĩ ấy chứ không vì gì khác.

**Thứ 83, giới đi không phải lúc** (108) .- Nếu Tỷ-kheo đi vào xóm làng không phải lúc, mà không dặn lại Tỷ-kheo khác, thì phạm ba-dật-đề.

**Thứ 84, giới làm giường quá cỡ.**- Nếu Tỷ-kheo làm giường giầy giường cây, thì chân chỉ cao bằng 8 ngón tay của Phật, trừ chỗ vô mộng hốt rời. Nếu quá cỡ ấy thì phạm ba-dật-đề.

**Thứ 85, giới dồn bông đệm nệm** (109) .- Nếu Tỷ-kheo dồn đầu la làm nệm lớn nệm nhỏ cho giường giầy giường cây, làm thành là phạm ba-dật-đề.

**Thứ 86, giới làm ống đựng kim** (110) .- Nếu Tỷ-kheo làm ống đựng kim bằng xương, nanh, sừng, khoét chuốt làm thành, thì phạm ba-dật-đề.

**Thứ 87, giới ngoa cụ quá cỡ** (111) .- Nếu Tỷ-kheo làm ni sư đàn thì phải làm đúng cỡ. Cỡ ở đây là dài bằng 2 gang tay của Phật, rộng bằng 1 gang

rưỡi; cần rộng dài thêm thì mỗi bề thêm nửa gang tay nữa. Quá cỡ ấy thì cắt thành là phạm ba-dật-đề.

**Thứ 88, giới làm khăn che ghế** (112) .- Nếu Tỳ-kheo làm khăn che ghế thì phải đúng cỡ. Cỡ ở đây là dài bằng 4 gang tay của Phật, rộng bằng 2 gang tay. Cắt rồi mà quá cỡ ấy thì phạm ba-dật-đề.

**Thứ 89, giới khăn tắm quá cỡ**.- Nếu Tỳ-kheo làm khăn tắm mưa thì phải làm đúng cỡ. Cỡ ở đây là dài bằng 6 gang tay của Phật, rộng bằng 2 gang rưỡi. Quá cỡ ấy thì cắt rồi là phạm ba-dật-đề.

**Thứ 90, giới 3 y quá cỡ**.- Nếu Tỳ-kheo thì may y phải bằng cỡ y của Phật, may quá cỡ ấy thì phạm ba-dật-đề. Ở đây cỡ y của Phật là dài bằng 9 gang tay của Ngài, rộng bằng 6 gang tay, đó là cỡ của y Phật.

Bạch chư đại đức, tôi đã nói 90 giới ba-dật-đề. Nay xin hỏi chư đại đức, trong 90 giới ấy có thanh tịnh cả không? (Hỏi 3 lần). Bạch chư đại đức, trong 90 giới ấy các vị thanh tịnh cả, vì các vị cùng im lặng. Việc này tôi nắm chắc như vậy.

### ***III.7 Bốn Giới Hối Quá***

Bạch chư đại đức, 4 giới ba-la-đề-xá-ni - *Patidesaniya* (113) sau đây, cứ mỗi nửa tháng thì tụng một lần, và được rút ra từ trong Giới kinh.

**Thứ 1, giới ăn đồ ăn ni** (114) .- Nếu Tỳ-kheo vào trong làng xóm, không bình, mà tự tay nhận lấy đồ ăn mà ăn của Tỳ-kheo ni không phải thân quyến, thì Tỳ-kheo ấy phải đến Tỳ-kheo khác mà hối lỗi như vậy: bạch đại đức, tôi phạm vào sự đáng trách, vào việc không đáng làm, nay xin hướng về đại đức mà hối lỗi. Đó gọi là sự hối lỗi.

**Thứ 2, giới ăn đồ chỉ bảo** (115) .- Nếu Tỳ-kheo đến ăn ở nhà cư sĩ, ở đây có Tỳ-kheo ni chỉ bảo đưa đồ ăn (116) vị này, đưa cơm vị kia, thì Tỳ-kheo ấy nên nói với Tỳ-kheo ni, rằng xin bà chị thôi đi, để các Tỳ-kheo ăn xong đồ ăn này đã. Nếu không có một Tỳ-kheo nào nói với Tỳ-kheo ni ấy như vậy, rằng xin bà chị thôi đi, để các Tỳ-kheo ăn xong đồ ăn này đã, thì Tỳ-kheo thủ chúng phải đến Tỳ-kheo khác mà hối lỗi như vậy: bạch đại đức, tôi phạm vào sự đáng trách, vào việc không đáng làm, nay xin hướng về đại đức mà hối lỗi. Đó gọi là sự hối lỗi.

**Thứ 3, giới ăn của học gia** (117) .- Nếu trước đã làm phép Kiết-ma học gia, mà nơi học gia ấy, Tỳ-kheo không được mời trước, không bình, mà tự tay nhận lấy đồ ăn của họ mà ăn, thì Tỳ-kheo ấy phải đến Tỳ-kheo khác mà hối lỗi như vậy: bạch đại đức, tôi phạm vào sự đáng trách, vào việc không đáng làm, nay xin hướng về đại đức mà hối lỗi. Đó gọi là sự hối lỗi.

**Thứ 4, giới ăn chỗ nghi sợ** (118) .- Nếu Tỳ-kheo có chỗ vắng vẻ, xa, và có sự nghi sợ; Tỳ-kheo ấy ở chỗ vắng vẻ như vậy mà không nói trước cho thí chủ biết đường đến chỗ ấy đáng sợ, Tỳ-kheo ấy cũng không đi nhận đồ ăn ở ngoài chỗ ấy, Tỳ-kheo ấy chỉ ở trong chỗ ấy, và không bình, vậy mà tự tay nhận lấy đồ ăn mà ăn, thì Tỳ-kheo ấy phải đến Tỳ-kheo khác mà hối lỗi như vậy: bạch đại đức, tôi phạm vào sự đáng trách, vào việc không đáng làm, nay xin hướng về đại đức mà hối lỗi. Đó gọi là sự hối lỗi.

Bạch chư đại đức, tôi đã nói 4 giới ba-la-đề-xá-ni. Nay xin hỏi chư đại đức, trong 4 giới ấy có thanh tịnh cả không? (Hỏi 3 lần). Bạch chư đại đức, trong 4 giới ấy các vị

thanh tịnh cả, vì các vị cùng im lặng. Việc này tôi nắm chắc như vậy.

### III.8 Một Trăm Giới Học

Bạch chư đại đức, 100 giới phải học - *Sekhiya* (119) sau đây, cứ mỗi nửa tháng phải tụng một lần, và được rút ra từ trong Giới kinh.

- Thứ 1 .- Nên mặc quần (119b) cho tề chỉnh, phải học.
- Thứ 2 .- Nên mặc 3 y cho tề chỉnh, phải học.
- Thứ 3 .- Không được vắt trái y đi vào nhà cư sĩ, phải học.
- Thứ 4 .- Không được vắt trái y ngồi nhà cư sĩ, phải học.
- Thứ 5 .- Không được quần y nơi cổ vào nhà cư sĩ, phải học.
- Thứ 6 .- Không được quần y nơi cổ ngồi nhà cư sĩ, phải học.
- Thứ 7 .- Không được trùm đầu vào nhà cư sĩ, phải học.
- Thứ 8 .- Không được trùm đầu ngồi nhà cư sĩ, phải học. (120)

\*

- Thứ 9 .- Không được vừa đi vừa nhảy vào nhà cư sĩ, phải học.
- Thứ 10.- Không được vừa đi vừa nhảy ngồi nhà cư sĩ, phải học.
- Thứ 11 .- Không được ngồi xoạc đùi trong nhà cư sĩ, phải học.
- Thứ 12 .- Không được chống nạnh đi vào nhà cư sĩ, phải học.
- Thứ 13 .- Không được chống nạnh ngồi nhà cư sĩ, phải học.
- Thứ 14 .- Không được lắc mình đi vào nhà cư sĩ, phải học.
- Thứ 15 .- Không được lắc mình ngồi nhà cư sĩ, phải học.
- Thứ 16 .- Không được vung tay đi vào nhà cư sĩ, phải học.
- Thứ 17 .- Không được vung tay ngồi nhà cư sĩ, phải học.

\*

- Thứ 18 .- Khéo che mình kín đáo vào nhà cư sĩ, phải học.
- Thứ 19 .- Khéo che mình kín đáo ngồi nhà cư sĩ, phải học.
- Thứ 20 .- Không được nhìn bên này liếc bên kia đi vào nhà cư sĩ, phải học.
- Thứ 21 .- Không được nhìn bên này liếc bên kia ngồi nhà cư sĩ, phải học.
- Thứ 22 .- Yên lặng vào nhà cư sĩ, phải học.
- Thứ 23 .- Yên lặng ngồi nhà cư sĩ, phải học.
- Thứ 24 .- Không được giỡn cười đi vào nhà cư sĩ, phải học.
- Thứ 25 .- Không được giỡn cười ngồi nhà cư sĩ, phải học.

\*

- Thứ 26 .- Chú ý khi ăn (121), phải học.
- Thứ 27 .- Lấy cơm chỉ ngang miệng bát mà ăn, phải học.
- Thứ 28 .- Cả đồ ăn (122) nữa cũng chỉ lấy ngang miệng bát mà ăn, phải học.
- Thứ 29 .- Đồ ăn và cơm phải lấy tương đương với nhau, phải học.
- Thứ 30 .- Tuân tự mà ăn (123), phải học.
- Thứ 31 .- Không được moi xúc giữa bát mà ăn, phải học.
- Thứ 32.- Không bình thì không được tự hỏi cơm và đồ ăn cho mình, phải học.
- Thứ 33 .- Không được lấy cơm đầy đồ ăn lại để mong có đồ ăn nữa, phải học.
- Thứ 34 .- Không được liếc xem trong bát Tỷ-kheo ngồi bên cạnh, phải học.
- Thứ 35 .- Phải để ý nơi bát mà ăn, phải học.
- Thứ 36 .- Không được đón cơm lớn miếng mà ăn, phải học.

- Thứ 37 .- Không được hà lớn miệng để chờ com mà ăn, phải học.  
Thứ 38 .- Không được ngậm com mà nói chuyện, phải học.  
Thứ 39 .- Không được nắm com ngoài xa ném vào miệng, phải học.  
Thứ 40 .- Không được ăn mà còn sót lại (124), phải học.  
Thứ 41 .- Không được bung má mà ăn, phải học.  
Thứ 42 .- Không được nhai (124b) ra tiếng mà ăn, phải học.  
Thứ 43 .- Không được hớp com mà ăn, phải học.  
Thứ 44 .- Không được le lưỡi liếm mà ăn, phải học.  
Thứ 45 .- Không được rảy tay mà ăn, phải học.  
Thứ 46 .- Không được lượm com rơi mà ăn, phải học.  
Thứ 47 .- Không được tay dơ cầm đồ đựng nước uống (125), phải học.  
Thứ 48 .- Không được đổ nước rửa bát trong nhà cư sĩ, phải học.

\*

- Thứ 49 .- Không được đại tiện tiểu tiện, hỷ nhỏ trên cỏ tươi, trừ lúc có bệnh, phải học.  
Thứ 50 .- Không được đại tiện tiểu tiện, hỷ nhỏ vào nước sạch, trừ lúc có bệnh, phải học.  
Thứ 51 .- Không được đứng mà đại tiện tiểu tiện, trừ lúc có bệnh, phải học.

\*

- Thứ 52 .- Không được thuyết pháp cho người vắt áo lên vai, không cung kính, trừ lúc họ có bệnh, phải học.  
Thứ 53 .- Không được thuyết pháp cho người quấn áo nơi cổ, trừ lúc họ có bệnh, phải học.  
Thứ 54 .- Không được thuyết pháp cho người che đầu, trừ lúc họ có bệnh, phải học.  
Thứ 55 .- Không được thuyết pháp cho người trùm đầu, trừ lúc họ có bệnh, phải học.  
Thứ 56 .- Không được thuyết pháp cho người chống nạnh, trừ lúc họ có bệnh, phải học.  
Thứ 57 .- Không được thuyết pháp cho người mang dép da, trừ lúc họ có bệnh, phải học.  
Thứ 58 .- Không được thuyết pháp cho người mang guốc gỗ, trừ lúc họ có bệnh, phải học.  
Thứ 59 .- Không được thuyết pháp cho người cưỡi ngựa, trừ lúc họ có bệnh, phải học.

\*

- Thứ 60 .- Không được ngủ nghỉ trong tháp Phật, trừ ra để coi giữ, phải học.  
Thứ 61 .- Không được cất giầu của cải trong tháp Phật, trừ ra để cho chắc chắn, phải học.  
Thứ 62 .- Không được mang dép da vào trong tháp Phật, phải học.  
Thứ 63 .- Không được cầm dép da vào trong tháp Phật, phải học.  
Thứ 64 .- Không được mang dép da đi nhiều quanh tháp Phật, phải học.  
Thứ 65 .- Không được mang giày ủng vào trong tháp Phật, phải học.  
Thứ 66 .- Không được cầm giày ủng vào trong tháp Phật, phải học.  
Thứ 67 .- Không được ngồi ăn nơi tháp Phật mà xả rác và Thức ăn làm dơ đất, phải học.  
Thứ 68 .- Không được khiêng thầy chết đi qua tháp Phật, phải học.  
Thứ 69 .- Không được chôn thầy chết nơi tháp Phật, phải học.

- Thứ 70 .- Không được đốt cây chết nơi tháp Phật, phải học.  
Thứ 71 .- Không được hướng về tháp Phật mà đốt cây chết, phải học.  
Thứ 72 .- Không được đốt cây chết bốn phía tháp Phật để hơi hôi bay vào, phải học.  
Thứ 73 .- Không được mang áo và giường người chết đi qua tháp Phật, trừ ra đã giặt, nhuộm và xông hương, phải học.  
Thứ 74 .- Không được đại tiện tiểu tiện nơi tháp Phật, phải học.  
Thứ 75 .- Không được hướng về tháp Phật mà đại tiện tiểu tiện, phải học.  
Thứ 76 .- Không được đại tiện tiểu tiện bốn phía tháp Phật để hơi thối bay vào, phải học.  
Thứ 77 .- Không được mang ảnh tượng của Phật đến chỗ đại tiện tiểu tiện, phải học.  
Thứ 78 .- Không được ở nơi tháp Phật mà xia răng, phải học.  
Thứ 79 .- Không được hướng về tháp Phật mà xia răng, phải học.  
Thứ 80 .- Không được bốn phía tháp Phật mà xia răng, phải học.  
Thứ 81 .- Không được nơi tháp Phật mà hi mũi khạc nhổ, phải học.  
Thứ 82 .- Không được hướng về tháp Phật mà hi mũi khạc nhổ, phải học.  
Thứ 83 .- Không được bốn phía tháp Phật mà hi mũi khạc nhổ, phải học.  
Thứ 84 .- Không được ngồi duỗi chân trước tháp Phật, phải học.  
Thứ 85 .- Không được để tượng Phật ở phòng dưới còn mình ở phòng trên, phải học.

\*

- Thứ 86 .- Người ngồi mà mình đứng thì không được thuyết pháp cho họ, trừ ra lúc họ có bệnh, phải học.  
Thứ 87 .- Người nằm mà mình ngồi thì không được thuyết pháp cho họ, trừ ra lúc họ có bệnh, phải học.  
Thứ 88 .- Người ngồi ghé mà mình ngồi chỗ không phải ghé thì không được thuyết pháp cho họ, trừ ra lúc họ có bệnh, phải học.  
Thứ 89 .- Người ngồi chỗ cao mà mình ngồi chỗ thấp thì không được thuyết pháp cho họ, trừ ra lúc họ có bệnh, phải học.  
Thứ 90 .- Người đi trước mà mình đi sau thì không được thuyết pháp cho họ, trừ ra lúc họ có bệnh, phải học.  
Thứ 91 .- Người ở chỗ kinh hành cao mà mình ở chỗ kinh hành thấp thì không được thuyết pháp cho họ, trừ ra lúc họ có bệnh, phải học.  
Thứ 92 .- Người đi giữa đường mà mình đi lề đường thì không được thuyết pháp cho họ, trừ ra lúc họ có bệnh, phải học.

\*

- Thứ 93 .- Không được dắt tay nhau mà đi đường, phải học.  
Thứ 94 .- Không được treo cây cao quá đầu người, trừ trường hợp có lý do, phải học,  
Thứ 95.- Không được đựng bát vào dĩa, xâu vào đầu tích tượng rồi vác trên vai mà đi, phải học.

\*

- Thứ 96 .- Người cầm gậy, không cung kính, thì không được thuyết pháp cho họ, trừ ra lúc họ có bệnh, phải học.  
Thứ 97 .- Người cầm kiếm thì không được thuyết pháp cho họ, trừ ra lúc họ có bệnh, phải học.  
Thứ 98 .- Người cầm mâu thì không được thuyết pháp cho họ, trừ ra lúc họ có bệnh, phải học.

Thứ 99 .- Người cảm dao thì không được thuyết pháp cho họ, trừ ra lúc họ có bệnh, phải học.

Thứ 100.- Người che dù thì không được thuyết pháp cho họ, trừ ra lúc họ có bệnh, phải học.

Bạch chư đại đức, tôi đã nói các giới phải học. Nay xin hỏi chư đại đức, trong các giới ấy có thanh tịnh cả không? (Hỏi 3 lần). Bạch chư đại đức, trong các giới ấy các vị thanh tịnh cả, vì các vị cùng im lặng. Việc này tôi nắm chắc như vậy.

### **III.9 Bảy Pháp Diệt Tránh**

Bạch chư đại đức, 7 pháp diệt tránh - *Adhikaranasamatha* (126) sau đây, cứ mỗi nửa tháng thì tụng một lần, và được rút ra từ trong Giới kinh. Nếu các Tỷ-kheo có sự tranh cãi nổi lên thì phải diệt trừ liền.

Thứ 1 .- Đáng cho hiện tiền từ ni thì nên cho hiện tiền từ ni.

Thứ 2 .- Đáng cho ức niệm từ ni thì nên cho ức niệm từ ni.

Thứ 3 .- Đáng cho bất si từ ni thì nên cho bất si từ ni.

Thứ 4 .- Đáng cho tự nói xử trị thì nên cho tự nói xử trị.

Thứ 5 .- Đáng cho xét tìm tội tướng thì nên cho xét tìm tội tướng.

Thứ 6 .- Đáng cho nhiều người xét tìm thì nên cho nhiều người xét tìm.

Thứ 7 .- Đáng cho như cỏ che đất thì nên cho như cỏ che đất.

Bạch chư đại đức, tôi đã nói 7 pháp diệt tránh. Nay xin hỏi chư đại đức, trong 7 pháp ấy có thanh tịnh cả không? (Hỏi 3 lần). Bạch chư đại đức, trong 7 pháp ấy các vị thanh tịnh cả, vì các vị cùng im lặng. Việc này tôi nắm chắc như vậy.

### **III.10 Lời Kết Thúc**

Bạch chư đại đức, tôi đã nói lời nói đầu của Giới kinh, đã nói 4 giới ba-la-di, đã nói 13 giới tăng-già bà-thi-sa, đã nói 2 giới bất định, đã nói 30 giới ni-tát-kỳ ba-dật-đề, đã nói 90 giới ba-dật-đề, đã nói 4 giới ba-la-đề-xá-ni, đã nói 100 giới chúng học, đã nói 7 pháp diệt tránh. Tất cả giới điều như vậy là Giới kinh Phật dạy, cứ mỗi nửa tháng thì tụng một lần, và được rút ra từ trong Giới kinh. Còn những Phật pháp khác nữa thì, với những Phật pháp ấy, hãy chung cùng hòa hợp mà học.

-oOo-

## **IV. Phần Cuối Tỷ-kheo Giới**

*Đức tính nhẫn nhục  
là đạo bậc nhất,  
Phật nói vô vi  
là pháp tối thượng;  
là người xuất gia  
mà bức não người,  
thì không được gọi  
là bậc sa môn.*

Bài tụng này là Giới kinh được thuyết ra bởi đức Tỳ-bà-thi, đấng như lai, đấng vô trước, đấng chánh biến tri.

*Ví dụ như người  
có đôi mắt sáng,  
mới có khả năng*

*tránh đường hiểm nghèo;  
thế giới mà có  
những người thông minh,  
thì có khả năng  
xa rời điều ác.*

Bài tụng này là Giới kinh được thuyết ra bởi đức Thi-khí, đấng như lai, đấng vô trước, đấng chánh biến tri.

*Không hề phi báng  
cũng không ganh ghét,  
và hãy kính cẩn  
tuân hành giới pháp,  
bằng cách ăn uống  
cũng biết vừa đủ,  
thường thường thích thú  
ở chỗ thanh vắng,  
tâm trí định tĩnh  
ưa thích tinh tiến,  
đó là những điều  
chư Phật huấn dụ.*

Bài tụng này là Giới kinh được thuyết ra bởi đức Tỳ-diệp-la, đấng như lai, đấng vô trước, đấng chánh biến tri.

*Vì như loài ong  
hút lấy mật hoa,  
thì không thương tổn  
sắc hương của hoa,  
mà chỉ hút lấy  
cái vị mật ngọt,  
Tỳ-kheo cũng vậy,  
đi vào làng xóm,  
thì không can dự  
công việc người khác,  
không nhìn đáng làm  
hay không đáng làm,  
mà chỉ tự nhìn  
bản thân mà đi  
coi có ngay thẳng  
hay không ngay thẳng.*

Bài tụng này là Giới kinh được thuyết ra bởi đức Câu-lưu-tôn, đấng như lai, đấng vô trước, đấng chánh biến tri.

*Tâm trí không nên  
có sự phóng dật,  
pháp của bậc thánh  
phải siêng học tập,  
được như thế ấy  
không còn lo buồn,  
tâm trí ổn định  
nhập vào niết bàn.*

Bài tụng này là Giới kinh được thuyết ra bởi đức Câu-na-hàm mâu-ni, đấng như lai, đấng vô trước, đấng chánh biến tri.

*Tất cả điều ác  
đừng có làm đến,  
tất cả điều thiện  
kính cần mà làm,  
tự mình làm sạch  
tâm trí của mình,  
những điều như vậy  
là chư Phật dạy.*

Bài tụng này là Giới kinh được thuyết ra bởi đức Ca-diếp, đấng như lai, đấng vô trước, đấng chánh biến tri.

*Khéo léo mà giữ  
miệng lưỡi lời tiếng,  
tự mình làm sạch  
tâm trí của mình,  
và thân thể nữa  
cũng đừng làm ác,  
đó là đường sạch  
của cả ba nghiệp;  
khả năng đạt được  
đường sạch như vậy,  
chính là đường đi  
của bậc đại tiên.*

Bài tụng này là Giới kinh của đức Thích-ca mâu-ni, đấng như lai, đấng vô trước, đấng chánh biến tri, thuyết ra cho chư tăng không có mọi sự tội lỗi trong 12 năm. Từ đó về sau chỉ là phân tích phong phú Giới kinh này.

Chư vị Tỷ-kheo, những ai ưa thích giáo pháp và ưa thích sa môn, những ai có sự hỗ thẹn lấy mình và có sự hỗ thẹn với người, ưa thích học giới pháp, thì phải học các Giới kinh này.

*Những người minh triết  
giữ được giới pháp  
thì thực hiện được  
ba thứ vui thích,  
một là danh thơm  
hai là lợi quý  
ba là chết rồi  
sinh lên chư thiên.*

*Cần phải cứu xét  
cái điều này đây,  
mà người có trí  
nên giữ giới pháp.*

*Giới mà trong sạch  
lại có tuệ giác,  
thì thực hiện được  
cái đạo bậc nhất.*

Tất cả Phật đà  
trong thì quá khứ,  
cùng chư Thế tôn  
hiện tại vị lai,  
chiến thắng lo buồn  
là do cùng nhau  
tôn kính giới pháp,  
và chính điều này  
là cái nguyên tắc  
của chư Phật đà.

Nếu có người nào  
biết tự vì mình  
mà tìm đường đi  
của chư Phật đà,  
thì hãy tôn trọng  
đối với chánh pháp,  
đó là huân thị  
của chư Như lai.

Bảy đức Phật đà  
là đấng Thế tôn,  
đã trừ diệt hết  
mọi thứ kiết sử,  
và đã thuyết ra  
bảy bản Giới kinh,  
làm cho giải thoát  
mọi thứ ràng buộc,  
làm cho nhập vào  
niết bàn tối thượng,  
ở đó vĩnh viễn  
diệt sạch hý luận.

Tôn trọng tuân hành  
Giới kinh Phật nói,  
cùng với giới pháp  
hiền thánh ca tụng,  
con em của Phật  
mà làm như vậy  
thì sẽ nhập vào  
niết bàn tịch diệt.

Khi đức Thế tôn  
sắp nhập niết bàn,  
Ngài đã nổi dậy  
lòng thương to lớn,  
chiều tập đầy đủ  
chư vị Tỷ-kheo,  
và dạy như vậy  
đối với giới pháp:  
Chư vị đừng nói  
Như lai nhập diệt  
thì không ai giữ  
cho người thanh tịnh;

Như lai đã khéo  
nói ra Giới kinh,  
Như lai lại khéo  
nói ra giới pháp,  
đầu rằng Như lai  
nhập vào niết bàn,  
chư vị hãy coi  
Giới ấy như Phật.  
Giới kinh tồn tại  
lâu dài trong đời,  
thì Pháp của Phật  
sẽ được hưng thịnh,  
và Pháp của Phật  
mà hưng thịnh lên,  
thì làm cho người  
được nhập niết bàn.

Nếu không tuân giữ  
giới pháp như vậy,  
và không đúng phép  
cử hành bỏ-tát,  
thì như mặt trời  
đến lúc lặn mất,  
cả thế giới này  
tối tăm mịt mù.

Hãy cố mà giữ  
giới pháp như vậy,  
như bò đuôi dài  
tiết giữ đuôi nó,  
bằng cách hòa hợp  
tập hợp thuyết giới,  
đúng như Phật đã  
đã từng huấn dụ.

Tôi đã thành kính  
tụng lại Giới kinh,  
chư tăng cũng đã  
bỏ-tát hoàn tất.

Tôi tụng Giới kinh  
được bao công đức,  
nguyện hiến chúng sinh  
cùng thành Phật đạo.

-oOo-

[Chương trước](#) | [Đầu trang](#) | [Chương kế](#)

Source: **Buddhism Today**, <https://members.xoom.com/budtoday/>

[\[Trở về trang Thư Mục\]](#)

*update: 16-09-2000*

## Tỷ-kheo giới (3)

*Hòa-thượng Thích Trí-Quang dịch giải*

(tiếp theo)

### V. Ghi Chú

(1) Giới kinh ở đây là Tỷ-kheo giới bản. Giới kinh ở đây còn có 2 trường hợp nữa. Có trường hợp chỉ cho Tứ phần luật. Có trường hợp chỉ cho mỗi bài tụng của 7 đức Phật nói Giới kinh.

(2) Chính văn là thánh pháp tài (tài sản chánh pháp của các vị thánh), thường nói tắt là thánh tài. Thánh tài có 7 thứ, là tín, giới, tâm, quý, văn, xả, tuệ. Có 7 thứ này thì gọi là thánh nhân (kinh Niết bản).

(3) Tỷ-kheo giới có 8 loại:

1. ba-la-di (khí), có 4;
2. tăng-già bà-thi-sa (tăng tàn), có 13;
3. bất định, có 2;
4. ni-tát-kỳ ba-dật-đề (xả đạo), có 30;
5. ba-dật-đề (đọa), có 90;
6. ba-la-đề-xá-ni (hối quá), có 4;
7. thức-xoa-ca-la (học pháp), có 100;
8. diệt tránh, có 7.

Chính văn này chỉ đưa ra 3 loại là nói tắt.

(4) Dịch đúng chính văn là nói việc ấy cho tôi. Chính văn này không chính. Ở đây là các đức Phật đều nói Giới kinh.

(5) Giới luật của các dị giáo, ngoại đạo.

(6) Hỏi hòa hợp trước (theo Hàm chú) thì đúng sách và đúng việc hơn.

(7) Đại khái gửi lời thưa rằng mình cũng muốn bỏ-tát và trong nửa tháng vừa qua mình không vi phạm giới nào.

(8) Chính văn là thời đáo, có nghĩa đến lúc, đúng lúc, thì gian thích hợp.

(9) Tác bạch thành không? (Đáp: thành), là dịch theo Tứ phần Tỷ-kheo giới bản (của ngài Hoài tổ) và theo thông thường. Đúng chính văn của Tứ phần luật hàm chú giới bản (của ngài Đạo tuyên, tổ sư sáng lập Luật tông) thì không có câu hỏi đáp này, tức Kiết-ma ở đây là đan bạch.

(10) Chỉ cho 37 giác phần, đặc biệt chỉ cho 8 chánh đạo.

- (11) Chính văn là trì, có nghĩa nắm giữ trong trí, tức là nhớ, ghi nhận.
- (12) Dịch nghĩa là khí (bị bỏ ra ngoài tầng chúng), nhưng chính nghĩa là tha thắng (bị chiến thắng).
- (12b) Tầng kỳ luật nói Tỷ-kheo thọ cụ túc giới trong tầng hòa hợp. Thập tụng luật nói Tỷ-kheo nhập vào trong giới pháp. Ngũ phần luật nói Tỷ-kheo đồng được giới pháp. Hữu bộ luật nói đồng được học xứ.
- (13) Sự dâm dục, Luật gọi là phi phạm hạnh, là bất tịnh hạnh.
- (14) Không được cùng tầng chúng Kiết-ma và thuyết giới.
- (15) Tăng thượng mạn là chưa được mà tự cho đã được. Nhưng rồi có người sau đó được thật. Ở đây trừ là trừ người này.
- (16) Dịch nghĩa là tăng tàn, là phạm những tội này còn có thể cứu vãn được nếu biết sám hối trước 20 vị Tỷ-kheo, không thì cũng như phạm tội ba-la-di.
- (17) Là thủ dâm.
- (18) Dịch đủ là nói năng thô tục dâm dăng, tức nói về sự dâm dục, nói về những bộ phận sinh dục.
- (19) Dịch đủ là khen mình để đòi nữ nhân hiến dâng sự dâm dục.
- (20) Tức làm cóc, tịnh thất.
- (21) Dịch đủ là làm nhà có thí chủ, làm cho mình, nhưng không thỉnh chư Tỷ-kheo chỉ định nơi chỗ.
- (22) Dịch đủ và sát là một cách không có căn cứ mà phi báng người khác phạm tội ba-la-di.
- (23) Dịch sát và đủ là mượn căn cứ khác mà phi báng phạm tội ba-la-di.
- (24) Dịch sát và đủ là phá hoại tầng hòa hợp mà chống lại sự can gián.
- (25) Tăng hòa hợp là 4 vị Tỷ-kheo sắp lên, cùng Kiết-ma và cùng tụng giới.
- (26) Dịch đủ là hỗ trợ sự phá hoại tầng hòa hợp mà còn chống đối can gián.
- (27) Dịch sát và đủ là làm hoen ố tín đồ, bị đuổi thì phi báng, chống đối can gián.
- (28) Làm hoen ố tín đồ, chính văn là ô tha gia (làm bẩn người khác). Ô tha gia có 4 hình thức mà đứng đầu là đem vật của người này cho mà cho lại người khác, làm cho tâm lý người nào cũng không còn bình thường. Làm những việc xấu là những việc xấu dẫn ra từ sự ô tha gia.
- (29) Dịch đủ là ngoan cố, chống cự chư tăng, chống đối can gián. Ngoan cố, chính văn là ác tính (tính tình ngang bướng).

(30) Sống riêng, chính văn là ba-ly-bà-sa, dịch nghĩa là biệt trú. Biệt trú là ở riêng một mình trong 1 phòng xấu, với giường nằm xấu, trong thì gian bằng thì gian che giấu (kể từ khi phạm cho đến khi phát giác).

(31) Hoan hỷ, chính văn là ma-na-đỏa, dịch nghĩa là ý hỷ. Ý hỷ là ở sát cạnh chư tăng, chân thành ân hận, làm cho chư tăng hoan hỷ mà mình cũng hoan hỷ.

(32) Trường hợp, chính văn là thời. Chính văn trọn câu này là thử thị thời (đó là thời). Tra các bộ luật khác thì Ngũ phần và Thập tụng là thị pháp ung nhĩ (giới này phải thế), Tăng kỳ là thị sự pháp nhĩ (việc này là thế), Hữu bộ là thử thị xuất tội pháp (ấy là cách giải tội). Như vậy chữ thời ở đây có thể hiểu và dịch là trường hợp. Sau đây có tất cả 9 chữ thời như vậy nữa.

(33) Bất định là tùy sự tổ giác mà định tội danh và xử trị theo 1 trong 3 tội (ba-la-di, tăng-già bà-thi-sa, ba-dật-đề) hay theo 1 trong 2 tội (trừ ba-la-di).

(34) Nữ tín đồ chánh tín Tam bảo, chấp trì ngũ giới, trí nhớ tốt và nói chắc thật.

(35) Dịch nghĩa là xá đạo, là xá thí những vật dụng dư thừa rồi sám hối, nếu không thì sẽ bị đạo lạc ác đạo.

(36) Là tăng-già-lê, uất-đa-la-tăng, an-đà-hội.

(37) Y công đức (ca-thy-na y) là y được xét thưởng sau 3 tháng an cư thanh tịnh. Ai được xét thưởng thì có 5 tháng (16/7 đến 15/12) được hưởng 5 điều Luật định.

(38) Trường y (y dài) là dài bằng 8 ngón tay và rộng bằng 4 ngón tay của Phật. Danh nghĩa (Văn 70/346) nói trường y là y dư thừa; hễ vải dài 1 thước 6, rộng 8 tấc, thì đã gọi là trường y.

(39) Tịnh thí nghĩa là cho một cách trong sạch. Tịnh thí ở đây là Tỷ-kheo có thừa những vật dụng (như y bát v/v) thì phải thí xả. Có 2 cách tịnh thí. Một là chân thật tịnh thí, là đem vật dụng thừa ra giữa chư tăng mà thí xả cho người khác. Hai là triển chuyển tịnh thí, là thí xả giữa chư tăng mà nói tên người mình muốn cho. Nếu người ấy vắng mặt thì chư tăng nói: Đại đức đã cho người ấy rồi thì đó là vật của người ấy; đại đức nên cất giữ giúp người ấy, và nếu cần thì mượn mà dùng.

(39b) Có bản chép: ngũ khác chỗ trong 1 đêm. Nhưng tra Tứ phần luật (Chính 22/603d) thì đúng như bản Đạo tuyên chép: không có những chữ trong 1 đêm.

(40) Kiết-ma, dịch nghĩa là tác pháp biện sự. Việc gì của tăng cũng phải do chư tăng quyết định mới thành tựu, đó gọi là Kiết-ma. Kiết-ma có đan bạch, bạch nhị và bạch tứ. Đan bạch là gặp những việc quá thường xuyên thì chỉ cần 1 lần tuyên cáo (tác bạch) mà thôi, không cần hỏi lại. Bạch nhị là gặp những việc hơi quan trọng, sợ xảy bất đồng ý về sau, nên phải 1 lần tuyên cáo rồi hỏi lại 1 lần. Bạch tứ là gặp những việc quan trọng thì phải 1 lần tuyên cáo rồi hỏi lại 3 lần. Tăng Kiết-ma có 4 loại, đó là 4 vị cho đan bạch, 5 vị cho bạch nhị, 10 vị cho bạch tứ, 20 vị cho sự xử tội tăng tàn. Số lượng này nhiều hơn thì được, thiếu đi thì không được.

- (41) Đáng lẽ phải nói 3 y có cái cũ và hỏng. Nguyên do của giới này là vì có Tý-kheo y tăng già lê bị cũ và hỏng.
- (42) Dịch sát và đủ, là nhận y của Tý-kheo ni không phải thân quyền của mình.
- (43) Dịch sát và đủ, là bảo Tý-kheo ni không phải thân quyền của mình giặt giúp y cũ. Y cũ là y đầu mới mặc 1 lần.
- (44) Dịch sát và đủ, là xin y nơi người cư sĩ không phải thân quyền.
- (45) Dịch đủ và sát, là khuyên cư sĩ thêm giá tiền may y.
- (45b) Lời xin tùy ý là thí chủ có lời xin nói trước rằng người lãnh nhận muốn sao cũng được.
- (46) Dịch sát và đủ, là khuyên 2 nhà tăng thêm số tiền sắm y.
- (46b) Có người hiểu và dịch 2/4 màu đen, 1/4 màu trắng, 1/4 màu lẫn lộn, nhưng không thể đồng ý là vì có chữ trái chính văn, và trộn lẫn lông dê như vậy thì cũng gần như đen. Dịch đúng chính văn là như đã dịch, và trộn lẫn lông dê như vậy thì sẽ ra hoại sắc hơn.
- (47) Dịch sát và đủ, là ngọa cụ dùng dưới 6 năm.
- (48) Dịch sát là tọa cụ không may chông.
- (49) Dịch sát là cầm lông dê quá hạn.
- (50) Dịch sát và đủ là bảo Tý-kheo ni không phải thân quyền giặt giúp lông dê.
- (51) Dịch sát là cất giữ tiền, của báu.
- (52) Dịch đủ là đổi chác tiền, của báu.
- (53) Chính văn là mại mãi (bán mua) thì không chính.
- (53b) Trường bát, có ý kiến nói là bát dư thừa.
- (53c) Chính văn là tối hạ, có người hiểu là bát cuối cùng, tức cái bát không ai muốn lấy, muốn đổi, nên cái bát ấy có thể chính là cái bát mới, được đem ra xả bỏ đó. Hiểu như vậy không đúng, bởi vì giới này bên Tý-kheo ni nói rõ là hạ tọa (người dưới).
- (54) Dịch đủ là xin chỉ sợi, bảo thợ dệt không phải thân quyền của mình dệt giúp.
- (55) Dịch đủ là bảo thợ dệt dệt thêm chỉ sợi.
- (56) Dịch sát và đủ là cất thuốc 7 ngày dùng quá thì hạn.
- (57) Dịch sát và đủ, là kiểm khăn tắm mưa trước thì hạn, dùng khăn tắm mưa trước thì hạn. Khăn tắm mưa, chính văn là vũ y hay vũ dục y (khăn tắm mưa). Chữ y trong Luật có chỗ là y, có chỗ là vải, có chỗ là khăn. Ở đây là khăn.

- (58) Mùa xuân còn 1 tháng là từ 16/3 đến 15/4. Mùa xuân còn nửa tháng là 1/4 đến 15/4. Trước kiết hạ hơn 1 tháng là trước 16/3. Trước kiết hạ hơn nửa tháng là trước 1/4. Tất cả đều là âm lịch.
- (59) Dịch đủ và sát là trước ngày hết kiết hạ nhận y cúng gấp mà cát quá sau ngày hết kiết hạ.
- (60) Dịch sát là 10 ngày chưa hết của 3 tháng kiết hạ; 10 ngày ấy là từ 6/7 đến 15/7.
- (61) Thi hạn của y ấy, y ấy là y cúng vội vàng nói trên; thi hạn của y ấy là 1 tháng (16/7 đến 15/8) nếu không thọ công đức y, hoặc 5 tháng (16/7 đến 15/12) nếu có thọ công đức y.
- (62) Dịch sát và đủ là ở chỗ a lan nhĩ có sự nghi ngại mà rời y quá thi hạn.
- (63) Là rằm tháng 7 đến rằm tháng 8.
- (64) A-lan-nhĩ là chỗ thanh vắng, xa làng xóm.
- (65) Nói rõ là xoay vật người ta muốn cúng cho chư tăng mà cúng cho mình.
- (66) Ba-dật-đề dịch nghĩa là đọa, là phạm những giới này nếu không sám hối giữa chư tăng thì sẽ bị đọa lạc.
- (67) Biết ở đây là nói tắt mọi sự thấy nghe hay biết của 6 thức.
- (68) Thành phần, chính văn là chủng loại, chỉ cho giai cấp, dòng họ, nghề nghiệp, v/v. Chười mắng ở đây bao gồm mọi sự nói hành, nói lóng, nói mỉa, v/v.
- (69) Nói để ly gián, chính văn là lưỡng thiệt ngữ.
- (70) Dịch đủ là ngủ cùng một nhà với nữ nhân.
- (71) Dịch đủ là ngủ quá thi hạn với người chưa thọ cụ túc giới.
- (72) Dịch đủ là cùng đọc tụng một cách ồn náo với người chưa thọ cụ túc giới.
- (73) Dịch đủ là thật đắc đạo mà nói với cư sĩ.
- (74) Dịch đủ là một mình thuyết pháp cho nữ nhân.
- (75) 5, 6 lời, cũng có thể dịch là pháp số 5 (như nói 5 uẩn vô ngã) và pháp số 6 (như nói 6 thức vô thường).
- (76) Cây cối là chỗ ở của qui thần và sinh vật, nên những chữ chặt phá cây cối và sinh vật là bổ túc.
- (77) Dịch đủ là trái đồ của chư tăng ra trên mặt đất trống.
- (78) Giường giầy là lòng giường đan sợi mây hay bất cứ sợi gì. Có chỗ giường giầy là võng.

- (79) Dịch đủ là trái đồ của chư tăng chỗ che.
- (80) Dịch sát là cưỡng chiếm chỗ mà trái đồ ngồi. Chử đồ ngồi không chính.
- (81) Dịch đủ là thuyết pháp cho ni đến trời tối.
- (82) Dịch đủ là đem y cho ni không phải thân quyến của mình.
- (83) Dịch đủ là may y cho ni không phải thân quyến của mình.
- (84) Dịch đủ và rõ, là nhận quá giới hạn đồ ăn của qui phụ và thương gia.
- (85) Phép ăn thừa (dự thực pháp) là, ví dụ Tỷ-kheo mới ăn mà có việc đứng dậy, thì như thế là kê như ăn xong rồi. Vậy nếu cần ăn thêm thì phải làm phép ăn thừa, là đem đồ mình muốn ăn dọn cho một vị nào chưa ăn và nói, kính bạch đại đức, tôi là Tỷ-kheo XX, đến trước đại đức làm phép ăn thừa, xin đại đức từ miễn cho. Vị này xúc ăn vài muổng rồi trao lại, bảo ăn đi.
- (86) Không phải giờ ăn (phi thời) là kể từ xế bóng ngày trước cho đến ngày sau trời chưa sáng.
- (87) Dịch rõ là ăn thức ăn mà mình không hay chưa nhận lời mời.
- (88) Dịch rõ là thức ăn và thuốc mà mình không hay chưa nhận lời mời mà đã bỏ vào miệng. Thuốc ở đây là sữa, mật, v/v.
- (89) Dịch đủ thì còn có cá và thịt. Ấy là thức ăn tùy thí tùy thực (cho gì ăn nấy).
- (90) Dịch rõ là bữa ăn trước hay bữa ăn sau đều bỏ mà đi đến nhà khác. Bữa ăn trước là khi trời sáng cho đến giờ ngọ, bữa ăn sau là giờ ngọ.
- (91) Dịch rõ là tại nhà ăn mà ngồi dai
- (92) Nhà ăn (thực gia) và vật báu ở đây có cái nghĩa riêng ở đây, không phải cái nghĩa thông thường. Nghĩa thông thường thì nhà ăn là nhà mời ăn, vật báu là vàng ngọc (hoặc nói bóng người đẹp). Nhưng nghĩa ở đây thì nhà ăn là nhà có chồng vợ, ăn là chồng vợ ấy hành dâm hưởng lạc với nhau. (và vật báu có thể chỉ có nghĩa trong nhà ấy có chỗ cho vợ chồng hành dâm). Trong nhà ăn có vật báu như vậy mà họ mời ăn rồi không đi ngay thì rất chướng ngại cho họ, nhất là cho người chồng.
- (93) Dịch rõ là tại nhà ăn mà ngồi chỗ khuất.
- (94) Dịch rõ và đủ là một mình ngồi với nữ nhân ở chỗ đất trống.
- (95) Dịch đủ là ở lại trong quân đội quá thì hạn.
- (96) Dịch đủ và rõ, là y mình đã tịnh thí, rồi lấy lại dùng mà không nói cho người chủ của y được cho biết.
- (97) Dịch đủ là gây thắc mắc, bực mình cho Tỷ-kheo khác.
- (98) Dịch đủ là độ cho người thiếu tuổi được thọ cụ túc giới.

(99) Dịch rõ là khơi lại 4 sự tranh cãi. Sự tranh cãi có 4, đó là 1, ngôn tranh, là tranh cãi vì bàn luận giới pháp; 2, mịch tranh, là tranh cãi vì xoi bói tội lỗi; 3, phạm tranh, là tranh cãi về tội lỗi đã phạm; 4, sự tranh, là tranh cãi về công việc Kiết-ma. Cả 4 sự tranh cãi đều phải diệt bằng 7 cách diệt tránh. Khi Kiết-ma diệt tránh rồi mà ai còn gọi lại thì phạm ba-dật-đề.

(100) Dịch đủ là chống lại sự can gián của chư tăng về sự nói càn rằng dâm dục không chướng ngại cho đạo.

(101) Dịch rõ là hòa theo Tỷ-kheo bị cử tội.

(102) Dịch rõ là hòa theo sa-di bị đui.

(103) Dịch rõ là sợ bị cử tội nên nói trước (về giới điều mình phạm).

(104) Dịch rõ là hối tiếc sau khi cùng chúng Kiết-ma.

(105) Dịch đủ là lên nghe về 4 sự tranh cãi.

(106) Dịch sát là đánh Tỷ-kheo lớn.

(107) Dịch rõ là phi báng người khác phạm tội tăng tàn.

(108) Dịch sát và đủ là không phải lúc mà đi vào xóm làng.

(109) Dịch đủ là dùng đầu-la độn nệm. Đầu-la là bông của mọi thứ cây cỏ (trong đó có bông gòn, bông vải) và kén tấm hoang.

(110) Dịch đủ là làm ống đựng kim bằng xương, nanh, sừng.

(111) Dịch đủ là làm "ni sư đàn" quá cỡ. Ni sư đàn là ngọa cụ (đồ nằm) tọa cụ (đồ ngồi) hay tùy tọa y (khăn để ngồi), nhưng dịch đúng là phu cụ (đồ trải ra để nằm ngồi).

(112) Dịch đủ là làm khăn che ghế quá cỡ.

(113) Dịch nghĩa là "hướng bí hồi", là những giới điều mà phạm vào chỉ cần sám hối với 1 Tỷ-kheo khác.

(114) Dịch đủ là ở trong làng xóm, nhận lấy đồ ăn của Tỷ-kheo ni không phải thân quyến.

(115) Dịch đủ là ăn đồ ăn do ni chi bảo.

(116) Chính vẫn là canh, nhưng rõ ràng chữ ấy, ở đây và sau đây, là đồ ăn, chứ không phải là canh như thường nói. Do vậy, chữ canh ấy được dịch là đồ ăn.

(117) Dịch sát là nhận đồ ăn của học gia. Học gia là tín đồ hy sinh cho đạo pháp đến nỗi phải nghèo thiếu. Đối với tín đồ như vậy, chư tăng phải Kiết-ma là học gia, chư tăng không được đến tín đồ ấy khát thực hay quyên góp gì nữa, trái lại còn giúp đỡ bằng cách đi khát thực rồi về nhà tín đồ ấy mà ăn để chia bớt cho họ, hoặc giao tài sản Tam bảo cho tín đồ ấy sinh lợi rồi chia một nửa lợi tức ấy cho họ. Tỷ-kheo nào đến đâu cũng phải hỏi ở đó có học gia không kéo phạm giới này, cũng như phải hỏi ở đó có hay không có

chỗ phủ bát (nhà có lỗi với chư tăng, chư tăng Kiết-ma không liên lạc với, cho đến khi biết hối lỗi).

(118) Dịch rõ là ăn ở chỗ vắng vẻ, đáng sợ.

(119) Phải học (ung đương học), chính văn của Tứ phần luật hàm chú giới bản là thức xoa ca la ni. Khác với 6 loại trước, loại thứ 7 này chính văn sách ấy chỉ tiêu đề có 54 giới, 46 giới còn lại không có tiêu đề (mặc dầu mục lục tiêu đề đủ cả 100 giới). Vì vậy tôi quyết định lấy chính văn của Tứ phần luật Tỷ-kheo giới bản (của ngài Hoài tổ) mà thay vào. Chính văn sách này không dùng chữ thức xoa-ca-la ni, mà dùng chữ chúng học pháp, ung đương học, và không tiêu đề ghi số gì cả. Số tôi ghi là của Tứ phần luật hàm chú giới bản.

(119b) Dịch sát chính văn là mặc niết-bàn-tăng. Niết-bàn-tăng là nivasana (hoặc kusulaka), là quần, tức tấm vải quấn phần dưới thân thể như chư tăng Nam tông. Quần như vậy quấn mặc và buộc bằng giây, hơi khó làm và giữ cho tề chỉnh. Tôi dịch thẳng là quần mà bỏ chữ niết-bàn-tăng, vì chữ này xúc phạm đến Niết bàn và đến Tăng quá.

(120) Xuống dòng như vậy là có ý sắp loại các giới điều này.

(121) Chú thích: để khỏi rơi đồ ăn xuống.

(122) Coi lại ghi chú 116.

(123) Chú thích: ăn không tuân tự là ngay trong bát mà đã lấy ăn lung tung.

(124) Dịch theo chú thích là một nửa vào miệng một nửa còn lại nơi tay.

(124b) Dịch đủ là nhai cơm. Nhưng đủ mà thiếu. Bất cứ nhai gì cũng không được ra tiếng, không phải chỉ nhai cơm.

(125) Có lẽ phải dịch là cầm đồ mà thôi (đồ đựng thức ăn thức uống).

(126) Là 7 cách diệt trừ sự tranh cãi. Phần này cũng lấy chính văn của Tứ phần luật Tỷ-kheo giới bản. Về 7 cách diệt tránh này, nếu chư tăng có sự tranh cãi (coi ghi chú 99) thì phải dập tắt bằng 7 cách ấy. Nói đại khái và giản dị, thì một thành phần chư tăng có lỗi, nhất là lỗi ấy gây ra tranh cãi, thì hãy diệt sự tranh cãi ấy bằng cách cho hiện diện, cho nhớ lại, cho tinh trí, cho tự xử, cho tự xét, cho chung xét và cho qua loa. Nghĩa là bằng cách nào đó có lý có tình mà đem lại sự phục thiện và hoan hỷ là tốt. Giới của 7 cách này là sau khi diệt tránh bằng 7 cách rồi, ai còn khơi lại thì phạm tội và bị trị.

### Ký hiệu:

- Đại tạng kinh bản Đại chính tân tu. Ký hiệu là **Chính**, thí dụ Chính 1/100, là Đại tạng ấy, tập 1, trang 100. Mỗi trang có 3 khoảng trên giữa dưới, nhưng sách này không ghi rõ khoảng ấy và dòng chữ.

- Tục tạng kinh bản chữ Vạn. Ký hiệu là **Vạn**, thí dụ Vạn 1/100 là Tục tạng ấy, tập 1 từ 100. Mỗi từ có 2 mặt a và b, mỗi mặt có 2 khoảng trên dưới, nhưng sách này cũng không ghi rõ những chi tiết ấy.

- Phật học đại từ điển của Đinh Phước Bảo. Ký hiệu là **Bảo**, thí dụ Bảo 100, là đại từ điển ấy, trang 100. Mỗi trang có 3 khoảng trên giữa dưới, và dĩ nhiên có từ. Nhưng sách này cũng không ghi những chi tiết ấy.

- Phật học nghiên cứu thập bát thiên, của Lương Khải Siêu. Sách có 18 bài. Ký hiệu là **Siêu**, thí dụ Siêu 1/10, tức sách ấy, bài 1 trang 10.

-oOo-

[Chương trước](#) | [Đầu trang](#)

Source: *Buddhism Today*, <https://members.xoom.com/budtoday/>

---

[\[Trở về trang Thư Mục\]](#)

*update: 16-09-2000*